

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG THPT QUANG MINH**

**MỘT SỐ HÌNH THỨC ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG, MỞ RỘNG KHI DẠY ĐỌC HIỂU VĂN BẢN  
VĂN HỌC VIỆT NAM MÔN NGỮ VĂN LỚP 12**

**Lĩnh vực/ Môn: NGỮ VĂN**

**Cấp: THPT**

**Tên tác giả: Nguyễn Thị Hải Hà**

**Đơn vị công tác: Trường THPT Quang Minh**

**Chức vụ: Giáo viên**

**Năm học 2022 – 2023**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

**Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội**

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Nguyễn Thị Hải Hà	09/9/1979	Trường THPT Quang Minh	Giáo viên	Thạc sĩ	<i>Một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12</i>

**- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến**

Sáng kiến có khả năng áp dụng trong việc đổi mới hình thức hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn THPT. Trong phạm vi sáng kiến này tôi áp dụng chủ yếu đối với HS lớp 12.

Tuy nhiên, giải pháp này còn có thể áp dụng đối với tất cả các đối tượng học sinh của các khối 10, 11 và cả những tiết học phần Tiếng Việt, Làm Văn của bộ môn Ngữ Văn trong chương trình giáo dục THPT. Giải pháp này có thể áp dụng cho nhiều năm học kế tiếp, đặc biệt là các năm học tới đây khi thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới ở tất cả các khối lớp.

Thông qua việc áp dụng giải pháp mới này, vấn đề mà sáng kiến giải quyết chính là phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tăng hứng thú đối với môn học của học sinh trong quá trình học tập môn Ngữ Văn, đồng thời phát triển được các năng lực đặc thù như nghe, nói, đọc, viết và các năng lực chung như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực cảm thụ văn học, năng lực tự học,...

**- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử**

20/9/2022.

**- Mô tả bản chất của sáng kiến**

Hoạt động Vận dụng, Mở rộng được xây dựng thành một khâu quan trọng trong tiến trình dạy học, tuy nhiên hoạt động này vẫn còn mang nặng tính truyền thống, nặng về truyền tải nội dung kiến thức, việc kết nối tri thức với thực tế đời sống còn bị hạn chế. Vì thế, học sinh chưa thực sự nhận thức được giá trị của tác phẩm, chưa vận dụng được kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế, chưa phát huy được hết năng lực của HS. Trong sáng kiến này, tôi mạnh dạn đề xuất "*Một số hình thức đổi mới hoạt*

*động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12” nhằm tạo hứng thú học tập môn Ngữ Văn, đồng thời nhằm phát triển năng lực HS, cụ thể như sau:*

Đưa ra bản chất của giải pháp mới cải tiến

Đưa ra một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng và quy trình thực hiện.

***Cách 1: Xây dựng hoạt động vận dụng, mở rộng thông qua tình huống có vấn đề.***

***Cách 2: Xây dựng hoạt động vận dụng, mở rộng thông qua sử dụng tranh ảnh, phim, âm nhạc, câu chuyện, tin tức thời sự, hiện tượng đời sống.***

***Cách 3: Xây dựng hoạt động vận dụng, mở rộng thông qua sử dụng câu hỏi và hoạt động vấn đáp.***

***- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có): không***

***- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:***

Căn cứ tình hình thực tế, hoàn cảnh, trình độ học sinh trong mỗi năm học, mỗi lớp học để có sự điều chỉnh phương pháp và cách thức tiến hành.

Linh hoạt, đa dạng trong cách thức sử dụng các hình thức tổ chức.

Luôn đặt lên hàng đầu sự quan tâm, chia sẻ đến học sinh trong nội dung bài học.

Bổ sung cập nhật những nội dung thực tế có liên quan đến bài học.

Để sử dụng hiệu quả giải pháp giáo viên cần có kế hoạch thời gian cụ thể cho tiết học, hướng dẫn học sinh sử dụng các phương pháp một cách cụ thể tránh mất thời gian cho hoạt động.

Để tăng hiệu quả, phòng học sử dụng giải pháp cần có sự hỗ trợ của Tivi, máy chiếu, loa...

- Giáo viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng kiến thức thực tế; rèn kỹ năng tổ chức, điều hành các hoạt động dạy học.

Sự quan tâm của BGH, BCM về đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phòng học, hoạt động ngoại khóa cho giáo viên, học sinh được thể hiện năng lực của mình, đầu tư cho chuyên môn...

***- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:***

Thông qua thời gian áp dụng, tôi thấy sáng kiến đã mang lại kết quả khả thi, phát huy được nhiều năng lực của HS đặc biệt là năng lực sáng tạo, cảm thụ tác phẩm, giao tiếp, hợp tác... Các em đã và sẽ tiếp tục yêu thích môn Ngữ Văn hơn, các em được thể hiện năng lực và sự sáng tạo của mình, vận dụng kiến thức vào đời sống tốt hơn và chất lượng học tập môn Ngữ văn chắc chắn sẽ được nâng cao.

**- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử nếu có:**

Sáng kiến đưa ra được vấn đề cấp thiết, phù hợp và có tính sáng tạo, đưa ra được giải pháp tích cực, hữu ích nhằm đổi mới hình thức hoạt động dạy học, cụ thể trong hai hoạt động cuối của quá trình dạy học là Vận dụng và Mở rộng, phát triển năng lực, sự sáng tạo của học sinh trong dạy học môn Ngữ Văn.

Sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và dễ dàng đối với tất cả các đối tượng học sinh của các khối 10, 11 và cả những tiết học phần Tiếng Việt, Làm Văn của bộ môn Ngữ Văn trong chương trình giáo dục THPT. Giải pháp này có thể áp dụng cho nhiều năm học kế tiếp, đặc biệt là các năm học tới đây khi thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới ở tất cả các khối lớp trong dạy học Ngữ Văn trong nhà trường.

**-Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):**

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ
1	Vương Thị Quỳnh Vân	20/7/1979	Trường THPT Quang Minh	Giáo viên	Thạc sĩ	<i>Một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12</i>
2	Trịnh Thị Hương	09/11/1982	Trường THPT Quang Minh	Giáo viên	Thạc sĩ	<i>Một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12</i>


	Đỗ Thị Lĩnh	01/5/1983	Trường THPT Quang Minh	Giáo viên	Thạc sĩ	<i>Một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12</i>
--	-------------	-----------	---------------------------------	--------------	---------	--

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Mê Linh, ngày 12 tháng 3 năm 2023*

Người nộp đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Hải Hà**

TRƯỜNG THPT QUANG MINH  
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả: Nguyễn Thị Hải Hà

Tên đề tài: *Một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12*

Lĩnh vực: Ngữ văn

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
<b>1</b>	<b>Sáng kiến có tính mới</b>	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	28
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	
<b>Nhận xét:</b> Sáng kiến hoàn toàn mới, được áp dụng lần đầu tiên, mang tính khả thi. Các giải pháp thực hiện trong sáng kiến đã có sự ảnh hưởng tích cực đến hoạt động dạy học.		
<b>2</b>	<b>Sáng kiến có tính áp dụng</b>	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	28
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	
<b>Nhận xét:</b> Sáng kiến có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc cũng có thể được ứng dụng rộng rãi hơn.		
<b>3</b>	<b>Sáng kiến có tính hiệu quả</b>	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	25
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	
<b>Nhận xét:</b> Kết quả của sáng kiến cho thấy hiệu quả tích cực, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa rộng.		
<b>4</b>	<b>Điểm trình bày</b>	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	
<b>Nhận xét:</b> Bố cục rõ ràng, trình bày khoa học. Có bảng đối chứng, so sánh những kết quả thu được trước và sau khi thực nghiệm. Có những minh chứng cụ thể trong quá trình thực hiện đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12		
Tổng cộng: 91 Đánh giá: <input checked="" type="checkbox"/> Đạt ( $\geq 70$ điểm) <input type="checkbox"/> Không đạt		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ



HIỆU TRƯỞNG

*Đào Thị Phương Lan*

## MỤC LỤC

A. PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.....	1
II. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU .....	1
III. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU.....	2
1. Đối tượng nghiên cứu.....	2
2. Phạm vi nghiên cứu.....	2
IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU .....	2
1. Phương pháp nghiên cứu lý luận.....	2
2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn.....	2
V. KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU .....	2
B. NỘI DUNG.....	3
I. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI .....	3
1. Bản chất của văn bản Văn học và sự tiếp nhận văn bản Văn học.....	3
2. Đối tượng tiếp nhận giáo án và văn bản Văn học .....	3
3. Quá trình dạy học Ngữ Văn ở THPT .....	3
II. THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ.....	3
1. Bản chất và nhiệm vụ khu biệt của “5 hoạt động” .....	3
2. Giải pháp cũ thường làm .....	4
3. Điều tra, khảo sát (thời điểm tháng 09 năm 2022).....	5
III. MỘT SỐ HÌNH THỨC ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG KHI DẠY ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC VIỆT NAM MÔN NGỮ VĂN. 6	
1. Bản chất của giải pháp mới cải tiến .....	6
2. Tính mới, tính sáng tạo của giải pháp mới.....	8
IV. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.....	9
1. Mục đích và nội dung thực nghiệm.....	9
2. Quy trình thực nghiệm .....	9
3. Thiết kế thực nghiệm.....	10
4. Kết quả sau khi thực hiện đề tài .....	15
4.1. Về thái độ .....	15
4.2. Kết quả kiểm tra, đánh giá học kì I năm học 2022-2023 (Lớp 12).....	15
V. HIỆU QUẢ CỦA SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM.....	17
1. Về phía giáo viên.....	17
2. Về phía học sinh .....	17
VI. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG SÁNG KIẾN .....	18
1. Điều kiện áp dụng .....	18



2. Khả năng áp dụng.....	18
C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	19
I. ĐÁNH GIÁ VỀ SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM.....	19
II. KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT .....	19
DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT.....	21
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	22
PHẦN PHỤ LỤC .....	23

## A. PHẦN MỞ ĐẦU

### I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Như chúng ta đã biết, mục tiêu chung của giáo dục phổ thông là “*nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hoá, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế*”. Vì vậy, việc xây dựng, áp dụng những hướng tiếp cận, phương pháp mới trong dạy học bộ môn để nâng cao hiệu quả dạy và học, đáp ứng mục tiêu chung của giáo dục phổ thông là yêu cầu rất cần thiết.

Thời gian qua, ngành giáo dục đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học ở tất cả các môn học trong đó có môn Ngữ Văn. Cùng với các môn học khác, môn Ngữ Văn góp phần quan trọng trong việc đào tạo con người phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đổi mới giáo dục. Tuy nhiên, điều khiến cho những giáo viên dạy Văn băn khoăn, trăn trở hơn hết đó là làm thế nào để học sinh cảm thấy thích thú, yêu thích môn Văn, thấy giờ học vui vẻ, hạnh phúc và đem lại nhiều giá trị, nhiều kỹ năng sống cho học sinh.

Với vai trò là người tổ chức, hướng dẫn và điều khiển quá trình học tập của học sinh, hơn ai hết giáo viên phải tìm, xây dựng hướng tiếp cận mới, kỹ thuật và phương pháp dạy học mới để phát tính tích cực sáng tạo của người học, tạo hứng thú, hưng phấn, khơi dậy đam mê học tập ở học sinh.

Theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, tiến trình dạy học theo mô hình Trường học mới Việt Nam bao gồm 5 hoạt động và áp dụng trong soạn giảng từ chính giáo án của giáo viên. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, kết hợp kinh nghiệm giảng dạy thực tiễn của bản thân, tôi đã áp dụng phong phú các hình thức dạy học, đa dạng hoá các hoạt động dạy học nhất là hoạt động vận dụng, mở rộng trong tiến trình bài dạy với mong muốn trong từng bài dạy, trong từng giờ học văn, từng hoạt động dạy học trong tiết học, học sinh luôn hứng thú, chủ động, yêu thích môn học, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học tôi chọn đề tài: *Một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12.*

### II. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12.
- Khảo sát thực trạng (giải pháp cũ thường làm) của hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12.
- Xây dựng được các giải pháp mới cải tiến áp dụng trong hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12.
- Tổ chức thực nghiệm sư phạm.

### **III. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

#### ***1. Đối tượng nghiên cứu***

- Chủ thể: là học sinh lớp 12
- Khách thể: Một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12.

#### ***2. Phạm vi nghiên cứu***

- Đề tài này tập trung nghiên cứu một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn lớp 12.
- Thực nghiệm chỉ được tổ chức tại 1 trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội với quy mô 124 học sinh.

### **IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### ***1. Phương pháp nghiên cứu lý luận***

Phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa nguồn tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu để xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

#### ***2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn***

- Phương pháp điều tra bằng phiếu: xây dựng bảng điều tra dành cho học sinh để thu thập thông tin về thực trạng vấn đề nghiên cứu.
- Phương pháp thực nghiệm: thực nghiệm kết quả nghiên cứu, so sánh với thực trạng.
- Phương pháp thống kê toán học: được sử dụng để xử lý kết quả thu thập được phục vụ cho việc phân tích, đánh giá trong quá trình nghiên cứu.

### **V. KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU**

Đề tài này được tôi nghiên cứu trong khoảng thời gian khá dài và bắt tay vào thực hiện từ tháng 8/2022 đến tháng 3/2023. Trong các năm học tiếp theo, tôi dự định sẽ tiếp tục bổ sung, sửa chữa và áp dụng cho nhiều đối tượng HS (ngoài lớp 12, tôi dự định sẽ thực hiện với cả HS lớp 10, lớp 11 trong chương trình GDPT mới 2018) để đề tài được hoàn thiện hơn.

## B. NỘI DUNG

### I. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

#### 1. Bản chất của văn bản Văn học và sự tiếp nhận văn bản Văn học

Văn bản Văn học không phải là một hiện tượng bất biến mà luôn phát triển vận động. Một giờ học thành công không phải là kết quả của việc thuyết trình (thầy say sưa giảng, trò chăm chú nghe). Điều quan trọng là giáo viên phải tạo được không khí cảm thụ nghệ thuật (sôi nổi hoặc sâu lắng). Phải để cho người học thường thức được khoái cảm của việc khám phá và cảm thụ. Trên cơ sở đó, một tiết học phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản là: phát huy tối đa năng lực khám phá, phát hiện của học sinh. Định hướng tiết học như một cuộc hành trình tìm kiếm, gặp gỡ với tác giả và văn bản một cách hứng thú. Có thể vận dụng quan điểm “ký thác”, khuyến khích người học tìm ra những cách hiểu, cách lý giải khác nhau thông qua phương tiện nghe nhìn như: tranh ảnh, nghe băng ghi âm, xem phim... và đặc biệt là các bài tập và sản phẩm Văn học do học sinh tự cảm nhận và cụ thể hóa nội dung tác phẩm theo cách của riêng mình lại càng vô cùng đặc sắc và có ý nghĩa.

#### 2. Đối tượng tiếp nhận giáo án và văn bản Văn học

Cơ sở của việc thiết kế giáo án không chỉ ở nội dung tác phẩm mà còn ở đối tượng tiếp nhận và cảm thụ. Với mỗi đối tượng (học sinh hoặc bài học) có thể thiết kế những quy trình khác nhau. Nội dung của thiết kế là những quy trình thao tác tổ chức việc cảm thụ chiếm lĩnh tác phẩm của học sinh. Mỗi bài, thậm chí mỗi đối tượng tiếp nhận có một kiểu thiết kế khác nhau trên cơ sở nền tảng “5 hoạt động”. Trong quá trình thiết kế, việc ứng dụng đổi mới hình thức 5 hoạt động dạy học đem lại hiệu quả tích cực.

#### 3. Quá trình dạy học Ngữ Văn ở THPT

Việc ứng dụng và đổi mới 5 hoạt động đặc biệt là hoạt động Vận dụng, Mở rộng trong dạy học môn Ngữ Văn được thực hiện thường xuyên và liên tục trong quá trình soạn và dạy học trên lớp. Người dạy và người học có thể tiến hành ứng dụng trong dạy học, trong kiểm tra đánh giá, kỹ năng cảm thụ văn bản Văn học; có thể tiến hành dạy và học ở mọi lúc, mọi nơi và gắn Văn học với đời sống tinh thần văn hóa, xã hội...

## II. THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ

### 1. Bản chất và nhiệm vụ khu biệt của “5 hoạt động”

#### \* Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

Hoạt động này nhằm giúp học sinh (HS) huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề có nội dung liên quan đến bài học mới.

#### \* Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động này giúp HS tìm hiểu nội dung kiến thức của chủ đề, rèn luyện năng lực cảm nhận, cung cấp cho HS cơ sở khoa học của những kiến thức được đề cập đến trong chủ đề.

#### \* Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

Hoạt động này yêu cầu HS phải vận dụng những kiến thức vừa tiếp thu được ở bước 2 (phần B) để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể, qua đó GV xem HS đã nắm được kiến thức hay chưa và nắm được ở mức độ nào.

\* Hoạt động 4: VẬN DỤNG

Hoạt động vận dụng nhằm tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng, thể nghiệm giá trị đã được học vào trong cuộc sống thực tiễn ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.

\* Hoạt động 5: MỞ RỘNG KIẾN THỨC

Hoạt động này khuyến khích HS tiếp tục tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức, nhằm giúp HS hiểu rằng ngoài kiến thức đã học trong nhà trường còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học hỏi, khám phá.

**2. Giải pháp cũ thường làm**

Trên thực tế, trường tôi có nhiều thuận lợi trong đổi mới phương pháp dạy học. Với định hướng dạy học phát triển năng lực, trong những năm trở lại đây, Ban Giám hiệu nhà trường đã chỉ đạo giáo viên các tổ bộ môn, tăng phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Trong các hoạt động giáo dục nhà trường thường xuyên tạo điều kiện để giáo viên cải tiến nâng cao chất lượng giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực chủ động của học sinh. Học sinh của trường đa phần có xu hướng chọn các môn khoa học xã hội. Theo thống kê có tới trên 80% các em khối 12 lựa chọn tổ hợp KHXH. Trong đó môn Văn luôn được các em chú trọng. Về Tổ nhóm chuyên môn, với đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm, chất lượng đầu ra môn Ngữ Văn của nhà trường luôn ổn định. Hầu hết giáo viên trong nhóm đã và đang chú ý đến việc tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

Đối với hoạt động Vận dụng, Mở rộng trong kế hoạch bài dạy, bản thân mỗi một giáo viên luôn nhận thức được vai trò của hoạt động này nhằm giúp học sinh vận dụng kết nối tri thức bài học để giải quyết những tình huống thực tế. Thay vì tổng kết bài học một cách đơn giản như trước đây, theo định hướng đổi mới tổ chức hoạt động dạy học, ở môn Ngữ Văn đã xây dựng giáo án với năm hoạt động cơ bản. Trong đó hoạt động Vận dụng, Mở rộng được xây dựng thành một khâu quan trọng trong tiến trình dạy học. Việc xây dựng hoạt động Vận dụng, Mở rộng thông thường được tổ chức thành các bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm để học sinh làm việc. Đối với những bài đọc hiểu văn bản Văn học, giáo viên thường có những hình thức như sau: xây dựng những bài tập sưu tầm, tìm kiếm những tư liệu, thông tin về tác giả, tác phẩm để giúp học sinh mở rộng kiến thức về tác giả, tác phẩm; rèn kĩ năng đọc văn bản qua một số đoạn đọc thuộc, đọc diễn cảm; bài tập yêu cầu học sinh bày tỏ quan điểm về bài học rút ra từ văn bản...

*Cách làm này đã đạt được một số hiệu quả nhất định:* Về kiến thức, học sinh được mở rộng vốn kiến thức về nội dung kiến thức học tập. Về năng lực, các em sẽ rèn luyện được năng lực tự học, năng lực sử dụng công nghệ thông tin. Về phía giáo viên, sẽ bớt công sức thời gian để thiết kế một bài học.

Bên cạnh đó, cách làm này vẫn còn bộc lộ một số hạn chế. Cụ thể, cách tổ chức hoạt động Vận dụng, Mở rộng này vẫn mang nặng tính truyền thống, nặng về chuyển tải nội dung kiến thức. Thông qua đó kiến thức được mở rộng nhưng việc kết nối tri thức với thực tế đời sống còn bị hạn chế. Vì thế, học sinh chưa thực sự nhận thức được giá trị của tác phẩm, chưa vận dụng được kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế. Việc vận dụng, mở rộng không hợp lí sẽ khiến nó trở thành hoạt động mang tính cứng nhắc. Hơn thế một số bài tập vận dụng mở rộng còn mang tính chất bắt buộc, hàn lâm nên hạn chế tính sáng tạo chỉ phù hợp cho những em yêu thích văn học. Bởi vậy hoạt động này vẫn chưa thực sự thu hút được hứng thú của học sinh.

### 3. Điều tra, khảo sát (thời điểm tháng 09 năm 2022)

Để rõ hơn về thực trạng của vấn đề, tôi đã tiến hành khảo sát mức độ hứng thú học tập của các em đối với môn Ngữ Văn ở học sinh lớp 12 mà tôi trực tiếp giảng dạy là 12A2, 12A5, 12A8 với tổng số 124 học sinh; kết quả học tập môn Ngữ Văn lớp 11 và việc áp dụng một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn đối với các giáo viên dạy môn Ngữ Văn trong trường.

Kết quả như sau:

#### Về mức độ hứng thú với môn Ngữ Văn

Lớp	Mức độ	Hứng thú		Bình thường		Không hứng thú	
		Tổng	Tỉ lệ	Tổng	Tỷ lệ	Tổng	Tỷ lệ
	Tổng số học sinh						
12A2	42	16	38,1%	8	19%	18	42,9%
12A5	40	4	10%	12	30%	24	70%
12A8	42	6	14,3%	10	23,8%	26	61,9%

Bảng số liệu trên cho thấy tỉ lệ HS hứng thú với môn Ngữ Văn khá thấp.

#### Về kết quả học tập môn Ngữ Văn lớp 11

Lớp	Sĩ số	Giỏi		Khá		TB		Yếu	
12A2	42	12	28,6%	26	61,9%	4	9,5%	0	0%
12A5	40	1	2,5%	18	45%	20	50%	1	2,5%
12A8	42	4	9,5%	21	50%	15	35,7%	2	4,8%

Về việc áp dụng một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ Văn.

Số GV	Không bao giờ		Ít		Vừa phải		Thường xuyên	
10	0	0%	3	30%	6	60%	1	10%

### III. MỘT SỐ HÌNH THỨC ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG KHI DẠY ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC VIỆT NAM MÔN NGỮ VĂN 12

#### 1. Bản chất của giải pháp mới cải tiến

Giải pháp này đòi hỏi người dạy cần quan tâm và dành nhiều công sức cho việc xây dựng hoạt động Vận dụng, Mở rộng. Khi hoàn thành đọc hiểu một văn bản, giáo viên cần đặt ra được những tình huống giáo dục đặc biệt để dẫn dắt học sinh vận dụng được những nội dung kiến thức của bài học áp dụng vào giải quyết được những tình huống trong thực tế, khơi gợi trong học sinh những cảm xúc thẩm mỹ, định hướng cách ứng xử giao tiếp với mọi người, thân thiện với môi trường, làm chủ cuộc sống... để từ đó giúp các em hoàn thiện nhân cách, kỹ năng sống, phẩm chất, năng lực. Đó là cơ hội để các em thực sự trưởng thành và lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp với mình sau 3 năm ở cấp học THPT.

Cụ thể một số cách thức tiến hành như:

**Cách 1: Xây dựng hoạt động vận dụng, mở rộng thông qua tình huống có vấn đề.**

- Nội dung: Giáo viên sẽ nêu lên một tình huống có liên quan đến nội dung bài học yêu cầu học sinh đưa ra cách xử lý. Tình huống này có thể là tình huống giả định hay tình huống thực tế. Thông qua việc học sinh giải quyết các tình huống, giáo viên sẽ dẫn dắt để rút ra những bài học trong cuộc sống, định hướng cho học sinh những cách ứng xử, những kỹ năng giao tiếp... từ đó phát triển kỹ năng sống, bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh.

- Một số tình huống có thể sử dụng:

+ Tình huống nhập vai: Giáo viên nêu tình huống yêu cầu học sinh nhập vai để giải quyết bằng chính kinh nghiệm sống của các em. Thông qua việc đưa học sinh thâm nhập vào thế giới nội tâm của con người trong các mối quan hệ xã hội phức tạp, học sinh thu nhận kiến thức, thái độ sống bằng chính trải nghiệm bản thân để từ đó rút ra bài học nhận thức và kỹ năng ứng xử, giao tiếp.

+ Tình huống nhận thức: Giáo viên nêu các tình huống thực tế xảy ra trong đời sống từ đó học sinh thảo luận, nhận xét để rút ra bài học cho bản thân.

- Quy trình thực hiện:

+ Bước 1: Giáo viên căn cứ vào nội dung, ý nghĩa của văn bản, từ đó xác định mục tiêu của hoạt động: vấn đề phẩm chất, kỹ năng hình thành ở học sinh thông qua tri thức bài học. Đây là bước vô cùng quan trọng đóng vai trò quyết định đến hoạt động.

Đó vừa là cái đích, vừa là yêu cầu cần đạt của hoạt động vận dụng mở rộng. Xác định đúng hướng sẽ giúp khắc sâu kiến thức và tăng hiệu quả bài học

+ Bước 2: Liên kết nội dung tri thức bài học với thực tế đời sống, hình dung về tình huống nhận thức đối với học sinh.

+ Bước 3: Lựa chọn tình huống phù hợp với nhận thức và hứng thú của học sinh.

+ Bước 4: Trên cơ sở những dữ liệu, tri thức có được chọn hình thức tổ chức, kĩ thuật dạy học thích hợp.

+ Bước 5: Hình dung tiến trình tổ chức hoạt động từ đó tiến hành xây dựng cách thức tổ chức hoạt động vận dụng mở rộng của bài học bao gồm: mục tiêu, hình thức, kĩ thuật dạy học, cách thức thực hiện của hoạt động

**Cách 2: Xây dựng hoạt động vận dụng, mở rộng thông qua sử dụng tranh ảnh, phim, âm nhạc, câu chuyện, tin tức thời sự, hiện tượng đời sống.**

- Nội dung: Giáo viên cho học sinh xem một đoạn phim, một bức tranh, nghe một bài hát, kể cho học sinh nghe một câu chuyện, một đoạn tin thời sự... có nội dung liên quan đến bài học. Thông qua việc quan sát, nghe, xem học sinh nhận xét chia sẻ quan điểm, giáo viên thông qua nhận xét phần chia sẻ của học sinh để dẫn dắt nhận thức và định hướng cách ứng xử của học sinh.

- Một số chủ đề tranh, ảnh, clip nêu yêu cầu hoạt động:

+ Chủ đề bồi dưỡng phẩm chất, lối sống của học sinh: lòng nhân ái, sự tử tế, lí tưởng sống, khát vọng, giá trị hòa bình...

+ Chủ đề rèn kĩ năng sống cho học sinh: Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, kĩ năng ứng xử, kĩ năng sinh tồn...

- Quy trình thực hiện:

+ Bước 1: Giáo viên xác định kiến thức trọng tâm của bài học từ đó xây dựng mục tiêu của hoạt động vận dụng, mở rộng.

+ Bước 2: Căn cứ vào mục tiêu hoạt động, giáo viên kết nối kiến thức tìm kiếm tranh ảnh, phim, bài hát, câu chuyện có liên quan.

+ Bước 3: Lựa chọn tư liệu: tranh, ảnh, bài hát, câu chuyện có ý nghĩa, phù hợp với nhận thức của học sinh.

+ Bước 4: Chọn hình thức tổ chức và kĩ thuật, phương pháp dạy học phù hợp với nội dung vận dụng, mở rộng.

+ Bước 5: Xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ nhận thức của HS, gồm: xác định những kiến thức, kĩ năng mà HS đã có và cần có; dự kiến những khó khăn, những tình huống có thể nảy sinh và các phương án giải quyết.

+ Bước 6: Hình dung diễn biến hoạt động vận dụng mở rộng từ đó tiến hành xây dựng hoạt động vận dụng mở rộng bao gồm các nội dung: mục tiêu, hình thức, kĩ thuật dạy học, cách thức tiến hành.

**Cách 3: Xây dựng hoạt động vận dụng, mở rộng thông qua sử dụng câu hỏi và hoạt động vấn đáp.**



- Bản chất giải pháp: Đây là hình thức quen thuộc đối với giáo viên và học sinh. Từ nội dung bài học giáo viên sẽ đưa ra những câu hỏi linh hoạt để đàm thoại với học sinh về một vấn đề nhận thức được đặt ra. Từ đó khéo léo dẫn dắt nhận thức của học sinh

- Các dạng câu hỏi, hoạt động vấn đáp: khi thực hiện giải pháp này giáo viên cần phải sử dụng linh hoạt các dạng câu hỏi khác nhau: Câu hỏi tái hiện, tái tạo, câu hỏi gợi mở, câu hỏi nêu vấn đề.... Đặc biệt, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh tự đặt câu hỏi để giải quyết nhiệm vụ học tập

- Quy trình thực hiện:

+ Bước 1: Giáo viên xác định mục tiêu dự kiến của hoạt động. Thông thường mục tiêu là các phẩm chất, kỹ năng cần hình thành ở học sinh sau khi thực hiện hoạt động học

+ Bước 2: Hình dung câu hỏi và dự kiến câu trả lời của học sinh.

+ Bước 3: Lựa chọn hình thức câu hỏi, cách thức thực hiện câu hỏi phù hợp với nhu cầu và trình độ nhận thức đối với học sinh.

+ Bước 4: Lựa chọn kỹ thuật, phương pháp dạy học phù hợp với nội dung và mục tiêu hoạt động

+ Bước 5: Tiến hành xây dựng hoạt động vận dụng mở rộng.

## **2. Tính mới, tính sáng tạo của giải pháp mới**

**Thứ nhất:** *Nâng cao năng lực tự học*

Học sinh được trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục và tự giáo dục thực sự được trở thành chủ thể của hoạt động học, phát triển và hoàn thiện kỹ năng sống cũng như năng lực phẩm chất: Nếu cách làm thông thường giáo viên nêu bài học vận dụng đối với học sinh thì ở đây các em sẽ tự nhận ra bài học, sử dụng để giải quyết tình huống cuộc sống.

**Thứ hai:** *Góp phần lựa chọn và bồi dưỡng được một đội ngũ học sinh có kỹ năng tốt, tư duy tốt, năng lực phát triển để có thể có thể tham gia nhiều hoạt động trong trường học.*

Thông qua các tiết học ở trên lớp và rèn luyện kỹ năng cho học sinh thông qua các tình huống có vấn đề, giáo viên bộ môn có thể dễ dàng phát hiện những học sinh có năng lực sử dụng ngôn ngữ tốt, có kỹ năng xử lý tình huống và tổ chức nhóm. Đây chính là những nhân tố có thể tham gia vào đội tuyển Ngữ văn, đội tuyển Tiếng Anh, tham gia câu lạc bộ truyền thông của Nhà trường, tham gia tổ chức các hoạt động bề nổi, xây dựng và dẫn các chương trình hoạt động ngoại khóa.

**Thứ ba:** *Truyền cảm hứng và tránh nhàm chán, tăng tính thú vị cho các môn học*

Trong quá trình học, bằng những giải pháp trên, giáo viên đã truyền cảm hứng cho học sinh, khơi dậy niềm đam mê, sự nhiệt tình và lòng quyết tâm cao độ của các em. Các em được phát huy tính tích cực, sáng tạo, có được hứng thú cần thiết trong quá trình học. Từ đó mà hiệu quả học tập nâng cao rõ rệt.

**Thứ tư:** *Góp phần định hướng nghề nghiệp, xác định khả năng của học sinh.*

Với giải pháp này, khi tham gia lựa chọn, xây dựng và thực hiện nhiệm vụ học tập, giải quyết các tình huống, sưu tầm thông tin, tư liệu đời sống, học sinh bồi đắp kiến thức và phát huy được cao độ những năng lực của mình theo hướng sáng tạo riêng: Năng lực tự học; Năng lực Giải quyết vấn đề; Năng lực sáng tạo; Năng lực tự quản lý; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực khai thác và sử dụng công nghệ thông tin; Năng lực sử dụng ngôn ngữ. Đó là cơ sở để các em khám phá những khả năng của bản thân, từ đó có những định hướng đúng đắn trong việc lựa chọn nghề nghiệp hoặc mạnh dạn theo đuổi ước mơ của mình.

**Thứ năm:** *Góp phần khai thác những lợi thế và hạn chế bất lợi của công nghệ thông tin trong hoàn cảnh giáo dục mới*

Việc sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động vận dụng, mở rộng và là phương tiện thuyết trình, triển khai vấn đề giúp các em học sinh khai thác được kho tài liệu khổng lồ của tri thức nhân loại. Khi tri thức đó được cập nhật thường xuyên, liên tục, do vậy các em sẽ tích lũy được kiến thức phong phú, đa dạng dưới nhiều cách nhìn, cách đánh giá. Công nghệ thông tin từ đó càng góp phần cải thiện chất lượng của các phương pháp học tập tiến bộ, giúp rút ngắn thời gian tìm tài liệu và bổ trợ kiến thức kịp thời cho học sinh trong quá trình sử dụng các phương pháp học tập mới, đồng thời hạn chế thời gian tiêu cực, lãng phí trên mạng của học sinh.

**Thứ sáu:** *Mở rộng không gian lớp học*

Không gian lớp học được mở rộng tối đa. Kiến thức học sinh tiếp nhận không còn đóng kín là những tác phẩm văn học kinh điển với kiến thức khô khan. Tri thức được kết nối với cuộc sống, vốn sống của học sinh được mở rộng, kỹ năng sống được hoàn thiện.

**Thứ bảy:** *Tiếp cận dạy học STEM*

Sáng kiến góp phần tháo gỡ được cách dạy truyền thống tiếp cận với phương pháp dạy học STEM môn Ngữ văn: Trong tình huống học tập học sinh được sử dụng công nghệ, sáng tạo vận dụng những vật liệu trong đời sống để tạo ra những trang phục, đạo cụ phù hợp với việc tham gia các tình huống nhập vai, các em được rèn luyện tư duy phản biện đưa ra các phán đoán, giả thuyết từ đó bằng sự trải nghiệm, thống kê khoa học để đưa ra kết luận chính xác.

## **IV. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM**

### **1. Mục đích và nội dung thực nghiệm**

- Mục đích thực nghiệm: Kiểm tra tính khả thi của việc đổi mới hoạt động vận dụng, mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ văn lớp 12 nhằm gây hứng thú học tập cho học sinh và nâng cao kết quả học tập.
- Nội dung thực nghiệm: Chương trình Ngữ Văn lớp 12 với 3 cách thức đã được thiết kế như nêu ở phần trên.

### **2. Quy trình thực nghiệm**

- Chọn mẫu thực nghiệm: Là các học sinh lớp 12A2, 12A5, 12A8 mà tôi trực tiếp giảng dạy.
- Các bước tiến hành thực nghiệm:

+ Điều tra trước khi tiến hành dạy thử nghiệm về hứng thú học tập của học sinh ở bộ môn Ngữ Văn, kết quả môn Ngữ Văn lớp 11 và tần suất áp dụng hình thức đổi mới hoạt động vận dụng, mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ văn lớp 12.

+ Dạy thử nghiệm: sử dụng linh hoạt các hình thức đổi mới hoạt động vận dụng, mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam môn Ngữ văn lớp 12.

+ Khảo sát, lấy kết quả sau khi dạy thử nghiệm về hứng thú học tập môn Ngữ Văn của học sinh và kết quả học tập môn Ngữ Văn lớp 12 (Tháng 2 năm 2023)

+ Cuối cùng là phân tích kết quả thực nghiệm và kết luận.

### **3. Thiết kế thực nghiệm**

Trong quá trình giảng dạy, tôi đã vận dụng thường xuyên hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản Văn học Việt Nam. Tuy nhiên, trong khuôn khổ giới hạn dung lượng của sáng kiến này, tôi xin phép chỉ đưa ra một vài ví dụ thực nghiệm được vận dụng trong một số bài dạy tác phẩm Văn học Việt Nam thuộc chương trình Ngữ văn lớp 12.

#### **3.1. Đoạn trích ĐẤT NƯỚC (Trích Trường ca Mặt đường khát vọng) của Nguyễn Khoa Điềm**

#### **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

##### **a. Mục tiêu**

HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao.

**b. Nội dung:** HS liên hệ tác phẩm với cuộc sống ngày nay.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn nghị luận xã hội.

##### **d. Tổ chức thực hiện**

##### **- Giáo viên giao nhiệm vụ**

Sau khi học xong chương V *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm, viết bài luận để trả lời câu hỏi: *Ta cần làm gì cho đất nước hôm nay?*

- HS làm việc cá nhân

- HS báo cáo sản phẩm vào tiết tự chọn

- GV nhận xét và kết luận

#### **HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG**

##### **a. Mục tiêu**

HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.

**b. Nội dung:** Dạy học dự án; Tìm hiểu các tài liệu liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy bài học; tài liệu HS tự sưu tầm.

##### **d. Tổ chức thực hiện**

##### **- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

+ Tìm đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

+ Vẽ sơ đồ tư duy.

+ Tìm đọc các chương khác trong trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm. Cảm nhận những đóng góp của nhà thơ.

+ Tìm một số câu thơ, bài thơ cùng chủ đề với đoạn trích Đất Nước và so sánh.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân.

- **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét:** trong tiết học tự chọn.

### 3.2. Bài thơ *SÓNG* của Xuân Quỳnh

#### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

##### a. Mục tiêu

HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao.

**b. Nội dung:** HS liên hệ tác phẩm với cuộc sống ngày nay.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng đoạn văn theo nghị luận.

##### d. Tổ chức thực hiện

##### - Giáo viên giao nhiệm vụ

Viết đoạn văn nghị luận về chủ đề: *Ý nghĩa của tình yêu trong cuộc sống.*

- **HS làm việc cá nhân tại nhà**

- **HS báo cáo hoặc nộp sản phẩm**

- **GV nhận xét và cho điểm**

#### HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG

##### a. Mục tiêu

HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.

**b. Nội dung:** Dạy học dự án

##### c. Sản phẩm

- Sơ đồ tư duy bài học.

- Sản phẩm của dạy học dự án

##### d. Tổ chức thực hiện

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

#### GV giao dự án học tập theo nhóm

+ **Nhóm 1:** Thiết kế clip giới thiệu nữ sĩ Xuân Quỳnh cùng những tác phẩm của bà, trong đó có *Sóng*.

+ **Nhóm 2:** Hình dung và vẽ tranh minh họa cho bài thơ.

Vẽ sơ đồ tư duy về bài học.

Ngoài ra, HS có thể thực hiện thêm một số hoạt động tự học sau:

+ Đọc các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

+ Suu tầm những bài hát, những câu thơ, bài thơ so sánh tình yêu với sóng biển (ca dao, thơ Việt nam, thơ nước ngoài)

+ Tìm đọc những bài thơ tình khác của Xuân Quỳnh và nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ qua những bài thơ đó.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân.

- **HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét** (trong tiết học tự chọn).

### 3.3. Tác phẩm *VỢ CHỒNG A PHỦ* của Tô Hoài

#### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

##### a. Mục tiêu

HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề.

**b. Nội dung**

HS trả lời câu hỏi cá nhân, liên hệ tác phẩm với cuộc sống ngày nay.

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS theo dạng bài đọc – hiểu và nghị luận.

**d. Tổ chức thực hiện**

- **GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Kỹ thuật động não và phát vấn.

**Bài 1:**

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*"Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng đầu được nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại".*

(Trích *Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài)

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức nào là chính?
2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì?
3. Trong đoạn văn trên, Tô Hoài sử dụng nhiều câu ngắn kết hợp với các câu dài có nhiều vế ngắn, nhịp điệu nhanh. Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là gì?

- **HS làm việc theo cặp tại lớp**

- **HS báo cáo hoặc nộp sản phẩm.**

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1 : Đoạn văn được viết theo phương thức tự sự là chính.

Câu 2 : Đoạn văn kể lại hành động trói Mị của A Sử trong đêm mùa xuân khi Mị muốn đi chơi.

Câu 3 : Tô Hoài sử dụng nhiều câu ngắn kết hợp với các câu dài có nhiều vế ngắn, nhịp điệu nhanh. Bằng hình thức này, tác giả cho thấy hành động trói vợ của A Sử diễn ra rất nhanh, rất thuận thực, tưởng như đó là việc làm thường xuyên, quen thuộc của A Sử. Qua đây có thể thấy tính cách độc ác, tàn nhẫn của A Sử.

- **GV nhận xét và cho điểm**

**Bài 2:**

*Vợ chồng A Phủ* là câu chuyện về một đôi trai gái người ông ở miền núi cao Tây bắc cách đây mấy chục năm. Tuy nhiên, nhiều vấn đề đặt ra trong câu chuyện này không phải chỉ là chuyện của ngày hôm qua mà còn là chuyện của hôm nay. Anh/chị suy nghĩ gì về điều này?

- **HS làm việc theo cặp tại lớp**

- **HS báo cáo hoặc nộp sản phẩm học tập**

GV gọi 1 số HS phát biểu suy nghĩ.

**Dự kiến sản phẩm**

Truyện đặt ra nhiều vấn đề có ý nghĩa nhân sinh, nhân bản, vẫn còn nguyên giá trị và tính thời sự cho đến tận hôm nay:

- + Con người cần được sống cho ra sống, không thể sống mà như đã chết được.
- + Hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu đích thực. Mọi sự áp đặt, ép buộc đều có nguy cơ dẫn đến bi kịch trong cuộc sống gia đình.
- + Cần phải đấu tranh với những hủ tục lạc hậu vẫn còn rơi rớt trong xã hội hiện đại, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa...
- + Cần phải đấu tranh với nạn bạo hành gia đình.

...

#### - GV nhận xét và cho điểm

### HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG

#### a. Mục tiêu

HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.

**b. Nội dung:** HS tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học

#### c. Sản phẩm

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Một số câu văn, đoạn văn.

#### d. Tổ chức thực hiện

#### - GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:

GV giao dự án học tập: 03 nhóm

- + Nhóm 1: Thiết kế clip giới thiệu Tô Hoài cùng những chia sẻ về tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*.
- + Nhóm 2: Hình dung và vẽ các cảnh tượng đặc sắc trong truyện; vẽ sơ đồ tư duy bài học.
- + Nhóm 3: Tìm nghe bài hát “Chỉ có hai người” trong phim “Vợ chồng A Phủ”. Viết cảm nhận sau khi xem phim và nghe bài hát đó.
  - **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thực hiện sản phẩm trong 01 tuần.
  - **Báo cáo sản phẩm**  
HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học tự chọn.

### 3.4. Tác phẩm *VỢ NHẬT* của Kim Lân

### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

#### a. Mục tiêu

HS biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao.

**b. Nội dung:** HS liên hệ tác phẩm với cuộc sống ngày nay.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS là bài văn nghị luận hoặc phân vai đóng 1 vài cảnh trong tác phẩm.

#### d. Tổ chức thực hiện:

#### - Giáo viên giao nhiệm vụ

Phân tích *giá trị hiện thực* tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân.

#### - HS làm việc cá nhân tại nhà

- **HS báo cáo hoặc nộp sản phẩm.** HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học tự chọn.

### **Dự kiến sản phẩm**

#### **Lập dàn ý :**

##### **I/ Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm;
- Nêu vấn đề: giá trị hiện thực của truyện

##### **II. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm:** Giới thiệu hoàn cảnh ra đời tác phẩm, xuất xứ tác phẩm, tóm tắt nội dung truyện.

##### **2. Phân tích giá trị hiện thực của truyện**

a/.**Biểu hiện trước hết về giá trị hiện thực của truyện ngắn "Vợ nhặt" là truyện đã phản ánh chân thực nạn đói năm 1945 và cuộc sống khốn khổ của nhân dân ta trong nạn đói ấy.**

-**Làm rõ đặc điểm:** nạn đói năm 1945 tràn đến xóm ngụ cư thông qua thời gian, không gian, âm thanh tiếng quạ, ...

-**Làm rõ đặc điểm:** cuộc sống khốn khổ của nhân dân ta trong nạn đói, nhất là cảnh người đói vật vờ như bóng ma và người chết như ngã rạ...

b/.**Hiện thực về nạn đói còn được thể hiện qua một tình huống cụ thể với những con người cụ thể, đó là anh Tràng có vợ**

-**Làm rõ đặc điểm:** Hình ảnh người vợ nhặt bị cái đói tàn phá thông qua ngoại hình, cách ăn bánh dức...

-**Làm rõ đặc điểm:** Bà cụ Tứ nghèo khổ. Bữa cơm ngày đói đón dâu mới thật thảm hại.

-**Làm rõ đặc điểm :** Số phận của nhân vật Tràng...

**3. Nhận xét về nghệ thuật thể hiện giá trị hiện thực của truyện:** nhân vật được đặt trong tình huống truyện độc đáo; diễn biến tâm lí được miêu tả chân thực, tinh tế; ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, phù hợp với tính cách nhân vật.

##### **III./ Kết bài**

-Tóm lại, truyện ngắn "Vợ nhặt" có giá trị hiện thực sâu sắc với hai biểu hiện: phản ánh chân thực nạn đói năm 1945 và cuộc sống khốn khổ của nhân dân ta trong nạn đói ấy; biểu hiện trong tình huống độc đáo.

-Ý nghĩa giá trị.

### **HOẠT ĐỘNG 5: MỞ RỘNG**

#### **a. Mục tiêu**

HS có ý thức tìm tòi kiến thức, mở rộng hiểu biết về kiến thức bài học.

**b. Nội dung:** Dạy học dự án

#### **c. Sản phẩm**

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Sản phẩm của dạy học dự án

**d. Tổ chức thực hiện**

- GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**GV giao dự án học tập theo nhóm**

+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học.

+ Vẽ tranh minh họa cho nội dung tác phẩm.

+ Viết thành bài văn trên cơ sở dàn ý ở phần vận dụng.

- HS thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân.

- HS báo cáo sản phẩm học tập và GV nhận xét trong tiết học tự chọn.

**4. Kết quả sau khi thực hiện đề tài**

Khảo sát sau khi thực nghiệm thu được kết quả như sau:

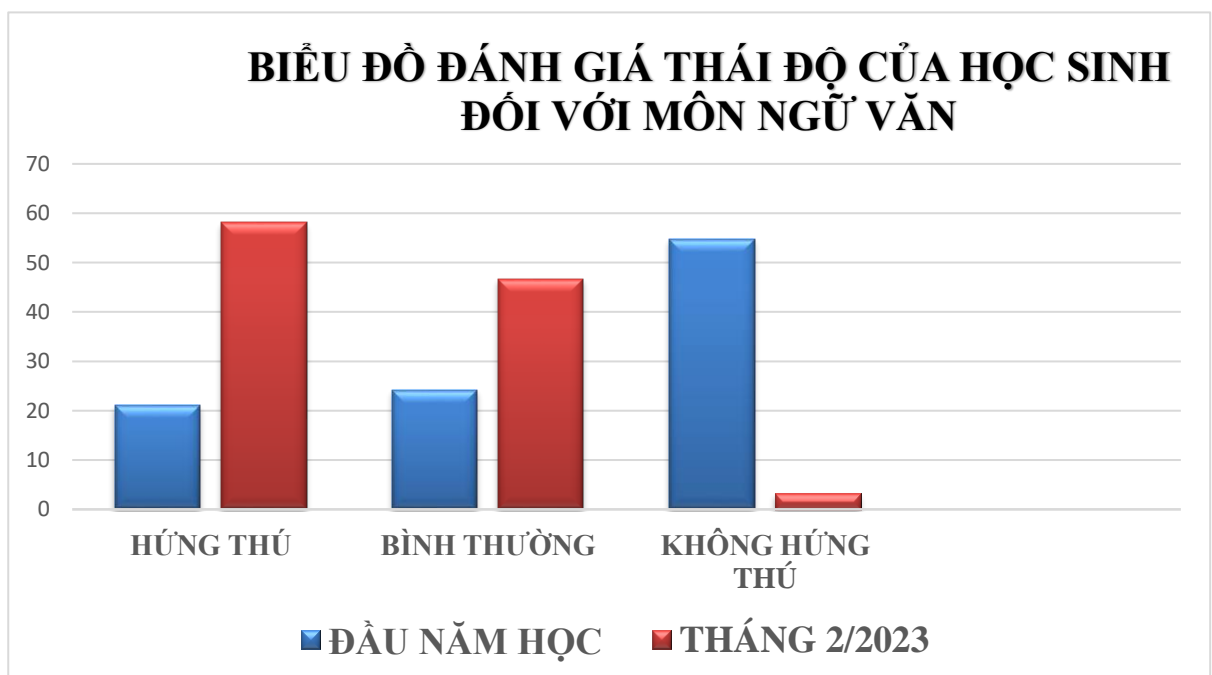
**4.1. Về thái độ**

Thời gian điều tra	Hứng thú		Bình thường		Không hứng thú	
	HS	Tỉ lệ	HS	Tỉ lệ	HS	Tỉ lệ
Đầu năm	26	21%	30	24,2%	68	54,8%
Tháng 2 năm 2023	72	58,1%	58	46,7%	4	3,2%

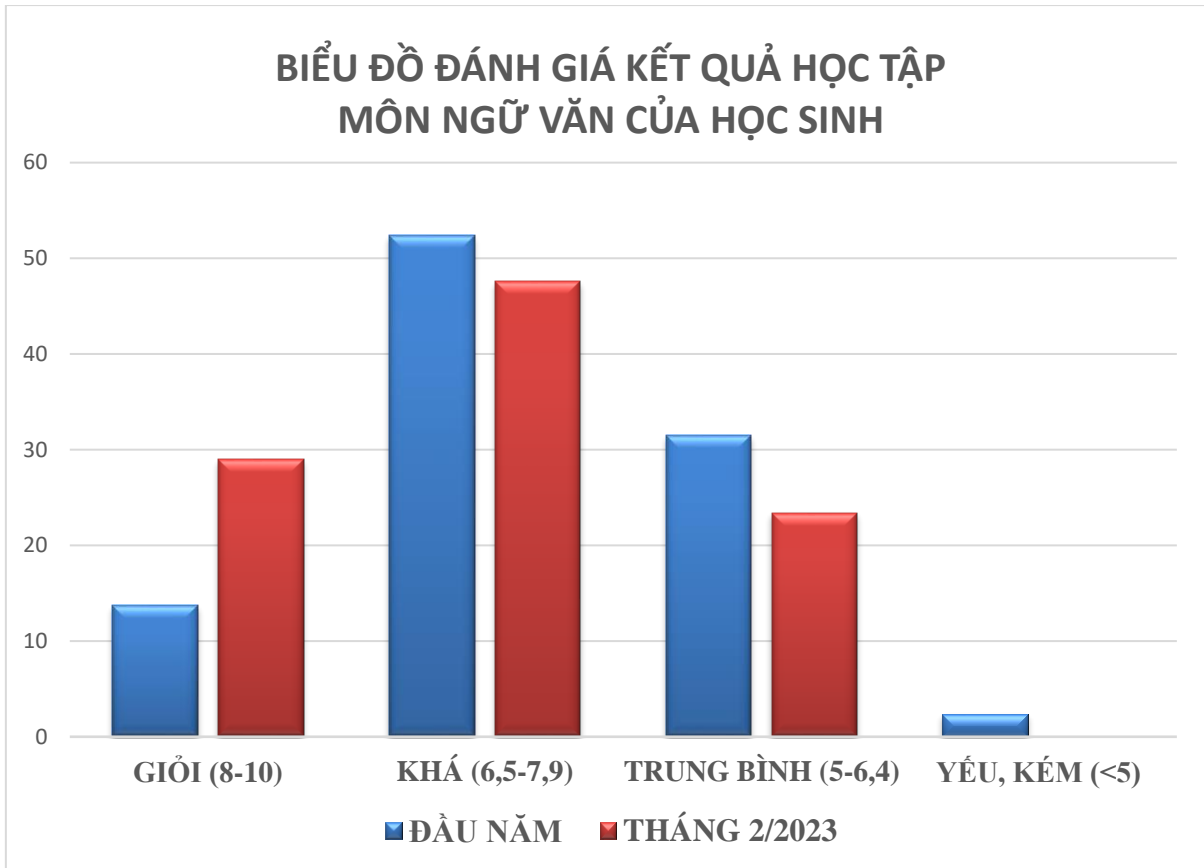
**4.2. Kết quả kiểm tra, đánh giá học kì I năm học 2022-2023 (Lớp 12)**

	Giỏi (8 - 10)		Khá (6,5 - 7,9)		TB (5 - 6,4)		Yếu (<5)	
	HS	Tỉ lệ	HS	Tỉ lệ	HS	Tỉ lệ	HS	Tỉ lệ
Đầu năm	17	13,7%	65	52,4%	39	31,5%	3	2,4%
Tháng 2 năm 2023	36	29%	59	47,6%	29	23,4%	0	0%

Từ bảng thống kê trên, ta vẽ được biểu đồ so sánh thái độ, kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh như sau:







Dựa vào bảng số liệu thu thập được cũng như biểu đồ phân tích ở trên, có thể thấy:  
Về thái độ của học sinh đối với môn học: Tỷ lệ số học sinh giữa học kỳ II lớp 12 (ứng với cột màu đỏ) có hứng thú và thích học môn Ngữ Văn tăng nhanh; học sinh không có hứng thú với môn học này giảm đi rõ rệt.

- Về kết quả học tập môn: tỷ lệ số học sinh giỏi giữa học kỳ II (ứng với cột màu đỏ) tăng nhanh; học sinh có học lực trung bình đặc biệt là học sinh yếu kém giảm đi nhiều.

Qua thực tế giờ dạy và phân tích số liệu ở trên tôi rút ra kết luận như sau:

Học sinh tích cực, thích thú khi được tham gia vào các hoạt động học tập, sáng tạo ra các sản phẩm học tập theo yêu cầu, năng lực và sở thích của mình đối với bộ môn. Với việc đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng – hai hoạt động cuối cùng trong tiến trình bài dạy làm cho giờ học Văn không nhàm chán nữa mà ngược lại giờ học trở nên sinh động, nhẹ nhàng, học sinh cũng cố được nội dung bài học và vận dụng linh hoạt, liên hệ với thực tế đời sống tốt hơn. Hứng thú học tập bộ môn của học sinh nhờ đó cũng tăng lên rõ rệt. Khi học sinh có hứng thú học tập bộ môn, các em tích cực hơn trong việc học, tìm hiểu và khám phá Văn học, từ đó cho thấy kết quả học tập theo đó cũng có sự cải thiện đáng kể.

## V. HIỆU QUẢ CỦA SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

### 1. Về phía giáo viên

Việc triển khai giải pháp đã được sự hưởng ứng của các giáo viên trong nhóm Văn trong trường. Trong quá trình xây dựng hoạt động học tập, các giáo viên đã có xu hướng tham khảo các giải pháp trên để xây dựng hoạt động học tập và đạt được hiệu quả nhất định. Không chỉ vận dụng đối với nhóm bài văn bản Văn học, giải pháp còn có thể sử dụng rộng rãi trong các nhóm bài dạy học Tiếng Việt, Làm văn, xây dựng chủ đề học tập ở các khối lớp.

Việc áp dụng giải pháp đã giúp giáo viên đổi mới kế hoạch bài học, đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học đáp ứng yêu cầu của chương trình sách giáo khoa mới, phát huy được tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh, lấy người học làm trung tâm.

Giải pháp góp phần thúc đẩy nhiều phong trào thi đua trong trường của giáo viên và học sinh như phong trào hội giảng chào mừng các ngày lễ lớn 20/11, 8/3, 26/3...

Về cá nhân các giáo viên, giải pháp đã giúp chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ nhà trường đặt ra. Trong những năm gần đây điểm trung bình môn và kết quả thi tốt nghiệp của học sinh lớp 12 môn Ngữ văn do chúng tôi giảng dạy luôn đạt kết quả cao so với kết quả đầu vào mà nhà trường giao cho. Trong những kì hội giảng, thanh tra mà nhà trường tổ chức, chúng tôi đã được nhà trường công nhận là GVG, xếp loại giờ dạy là loại Tốt.

### 2. Về phía học sinh

Trong quá trình áp dụng giải pháp đối với các lớp 12 năm học 2022 -2023, chúng chúng tôi nhận thấy: Học sinh đã hình thành lối sống lành mạnh, có ý thức trách nhiệm, tinh thần cộng đồng và phẩm chất đạo đức tốt trong các mối quan hệ xã hội. Học sinh cởi mở hơn trong cuộc sống, có khả năng ứng phó và giải quyết được các tình huống trong cuộc sống. Cách thức tổ chức hoạt động kết nối kiến thức bài học với thực tế cũng khiến học sinh hứng thú hơn với nội dung bài học. Từ đó chất lượng môn Ngữ Văn được nâng lên đáng kể.

#### **Về phẩm chất đạo đức và kỹ năng sống**

Giải pháp góp phần bồi dưỡng phẩm chất tâm hồn, rèn kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, những bài học đạo đức được rút ra từ nội dung đọc hiểu văn bản Văn học. Từ đó góp phần nâng cao năng lực phẩm chất góp phần không nhỏ vào kết quả rèn luyện hạnh kiểm của học sinh trong nhà trường

#### **Về hứng thú học tập của học sinh đối với môn học**

Về hoạt động trên lớp, trực quan có thể thấy học sinh hứng thú học bài hơn, hạn chế tình trạng uể oải cuối giờ học. Học sinh hăng hái phát biểu, không ngại việc chuẩn bị bài đối với môn Ngữ Văn. Việc học bài ở nhà của các em cũng tốt hơn, kết quả kiểm tra cũng cao hơn.

*(Xem bảng khảo sát ở phần trên: Kết quả khảo sát mức độ hứng thú của học sinh với môn học trước và sau khi áp dụng giải pháp).*

### **Về chất lượng giáo dục**

Đối với chất lượng giáo dục của nhà trường: Giải pháp đáp ứng được yêu cầu đổi mới kiểm tra đánh giá của giáo dục hiện nay. Theo đó, việc kiểm tra đánh giá thiên về đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh. Thông qua hoạt động vận dụng, mở rộng có hiệu quả, giáo viên bồi dưỡng được cho học sinh những phẩm chất, năng lực cần thiết, vận dụng được kiến thức vào để giải quyết những tình huống thực tế đời sống. Đó là một trong những nội dung quan trọng của việc kiểm tra đánh giá theo xu hướng mới.

Trong những năm trở lại đây, cấu trúc đề thi TN THPT quốc gia đang có xu hướng tăng dần nội dung kiểm tra đánh giá năng lực nghị luận của học sinh đối với những vấn đề trong thực tế đời sống. Muốn làm được điều đó, học sinh phải có một vốn kiến thức xã hội nhất định. Hoạt động vận dụng, mở rộng góp phần không nhỏ giúp học sinh giải quyết tốt phần nghị luận xã hội cũng như phần đọc hiểu văn bản. Vì thế, giải pháp đã góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục môn ngữ văn của nhà trường.

Đối với các lớp chúng tôi tham gia giảng dạy trực tiếp: Sau khi áp dụng giải pháp, chúng tôi nhận thấy kết quả học tập cũng như hứng thú của học sinh đối với môn học có nhiều thay đổi đáng kể.

## **VI. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

### **1. Điều kiện áp dụng**

Để áp dụng sáng kiến một cách hiệu quả, mỗi người quản lí và giáo viên cần chú ý đến một số vấn đề sau:

- Căn cứ tình hình thực tế, hoàn cảnh, trình độ học sinh trong mỗi năm học, mỗi lớp học để có sự điều chỉnh phương pháp và cách thức tiến hành
- Linh hoạt, đa dạng trong cách thức sử dụng các hình thức tổ chức
- Luôn đặt lên hàng đầu sự quan tâm, chia sẻ đến học sinh trong nội dung bài học
- Bổ sung cập nhật những nội dung thực tế có liên quan đến bài học.
- Để sử dụng hiệu quả giải pháp giáo viên cần có kế hoạch thời gian cụ thể cho tiết học, hướng dẫn học sinh sử dụng các phương pháp một cách cụ thể tránh mất thời gian cho hoạt động.
- Để tăng hiệu quả, phòng học sử dụng giải pháp cần có sự hỗ trợ của Tivi, máy chiếu, loa...

### **2. Khả năng áp dụng**

Giải pháp này còn có thể áp dụng đối với tất cả các đối tượng học sinh của các khối 10, 11 và cả những tiết học phần Tiếng Việt, Làm Văn của bộ môn Ngữ Văn trong chương trình giáo dục THPT.

Giải pháp này có thể áp dụng cho nhiều năm học kế tiếp, đặc biệt là các năm học tới đây khi thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới ở tất cả các khối lớp trong dạy học môn Ngữ Văn trong nhà trường.

## C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### I. ĐÁNH GIÁ VỀ SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Nội dung sáng kiến có tính toàn diện. So với các giải pháp trước đó về đổi mới hình thức hoạt động vận dụng, mở rộng thì đề tài này có tính thực tiễn cao, dễ áp dụng trong quá trình giảng dạy. Việc sử dụng các hình thức đổi mới trong hoạt động vận dụng và mở rộng thực sự hấp dẫn, có tính giáo dục cao, phát huy được năng lực học sinh, mặt khác nó cũng linh hoạt, kích thích được hứng thú học tập của học sinh đối với bộ môn. Tính hiệu quả của đề tài cũng được thực nghiệm kiểm chứng.

Giáo viên là người chủ động lựa chọn giao nhiệm vụ và khơi gợi hứng thú, phát huy năng lực của học sinh một cách linh hoạt, phù hợp với môi trường giáo dục hiện có của nhà trường. Lợi ích của việc áp dụng sáng kiến này vào dạy học môn Ngữ Văn thông qua các phương tiện, thiết bị dạy học là nhiều năm chứ không phải chỉ trong năm học chúng ta thực hiện.

Không một học sinh nào từ chối việc được chiêm ngưỡng các sản phẩm học tập, hội họa,... trong các tiết học môn Ngữ Văn từ chính sản phẩm học tập của mình và các bạn cùng làm. Sự thích thú, hào hứng của các em chính là lời đánh giá hiệu lực nhất về hiệu quả của việc đổi mới các hoạt động dạy học.

### II. KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Qua quá trình giảng dạy thực tế, với những kết quả đã đạt được về phát huy năng lực tư duy và cảm thụ tác phẩm văn học của học sinh, tạo hứng thú cho học sinh thông qua đổi mới hình thức hoạt động Vận dụng, Mở rộng trong 5 hoạt động dạy học vào dạy học môn Ngữ Văn trong năm học vừa qua ở trường THPT, tôi xin được có một vài khuyến nghị:

**- Đối với Ban giám hiệu trường THPT (nơi tác giả đang công tác)**

Ban giám hiệu có thể hỗ trợ kinh phí để các tổ chuyên môn mời các chuyên gia về tập huấn cho giáo viên trong tổ về đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh. Hỗ trợ hơn nữa về kinh phí cho các tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề, tạo sân chơi học tập nhằm phát huy năng lực sáng tạo của học sinh. Đầu tư đầy đủ hơn nữa về trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác giảng dạy và sinh hoạt các chuyên đề chuyên môn. Đồng thời đẩy mạnh ứng dụng sáng kiến của các giáo viên vào giảng dạy.

**- Đối với giáo viên:** Cần có ý thức sâu sắc về trách nhiệm, vai trò của người giáo viên dạy môn Ngữ văn. Không ngừng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, phát huy cao độ năng lực sáng tạo, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, luôn biết lắng nghe, biết chia sẻ và học tập.

Trên đây là sáng kiến: “**Một số hình thức đổi mới hoạt động Vận dụng, Mở rộng khi dạy đọc hiểu văn bản văn học Việt Nam môn Ngữ văn lớp 12**” mà tôi đúc rút từ thực tế giảng dạy trong một số năm qua. Hi vọng rằng những nội dung trong đề tài này

sẽ là những thông tin hữu ích để các đồng nghiệp trao đổi, thảo luận, rút ra được những kinh nghiệm thực sự quý báu trong công tác giảng dạy. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô, nhất là những thầy cô trong cùng bộ môn Ngữ Văn để sáng kiến của tôi được hoàn thiện hơn và có thể phát huy tính ứng dụng, tính hiệu quả một cách phổ biến.

*Tôi xin chân thành cảm ơn!*

**DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Chữ cái viết tắt</b>	<b>Nội dung</b>
1	THCS	Trung học cơ sở
2	THPT	Trung học phổ thông
3	GV	Giáo viên
4	HS	Học sinh
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	SGK	Sách giáo khoa
7	GD	Giáo dục
8	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
9	TN THPT	Tốt nghiệp Trung học phổ thông
10	GVG	Giáo viên giỏi

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Sổ tay phương pháp giảng dạy và đánh giá (TS. Lê Văn Hảo chủ biên, NXB ĐH Nha Trang, 2008)
2. Sách giáo khoa Ngữ Văn 12, NXH Giáo dục, 2018.
3. Một số kỹ năng cần thiết dành cho HSTHPT – Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. Làm thế nào để học sinh yêu và học tốt môn Văn (Đinh Thị Hồng Vân, *Văn học và Tuổi trẻ*, tháng 6/2009).
5. Từ điển Tiếng Việt
6. Một số tài liệu khác.

## PHẦN PHỤ LỤC

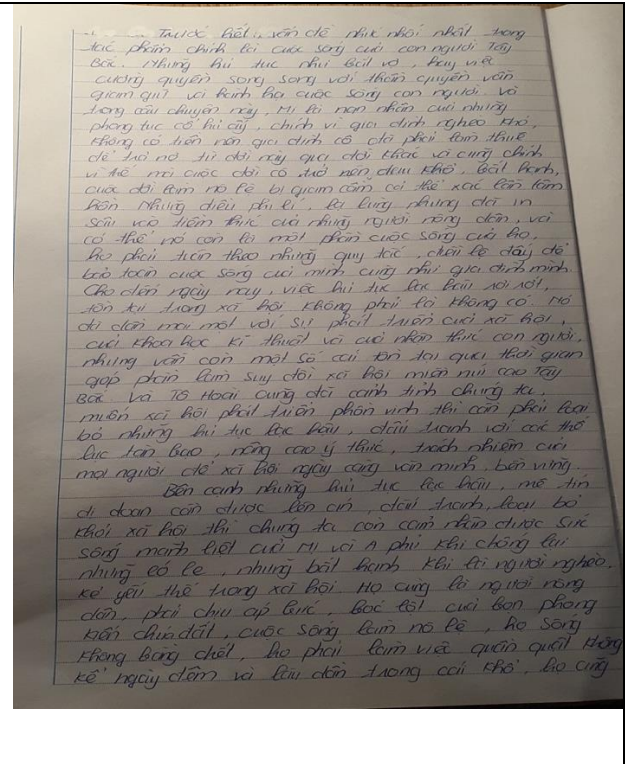
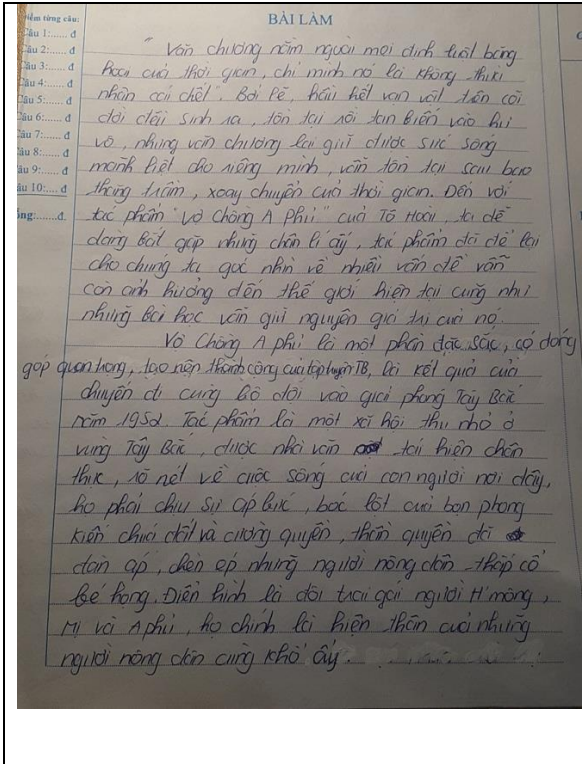
### Phụ lục 1: Tiêu chí khảo sát đánh giá mức độ hứng thú học môn Ngữ Văn của học sinh.

Trong quá trình học tập môn Ngữ Văn, em đã thực hiện những nhiệm vụ sau đây như thế nào? Đánh dấu (X) vào ô tương ứng (1: Hứng thú; 2: Bình thường; 3. Không hứng thú).

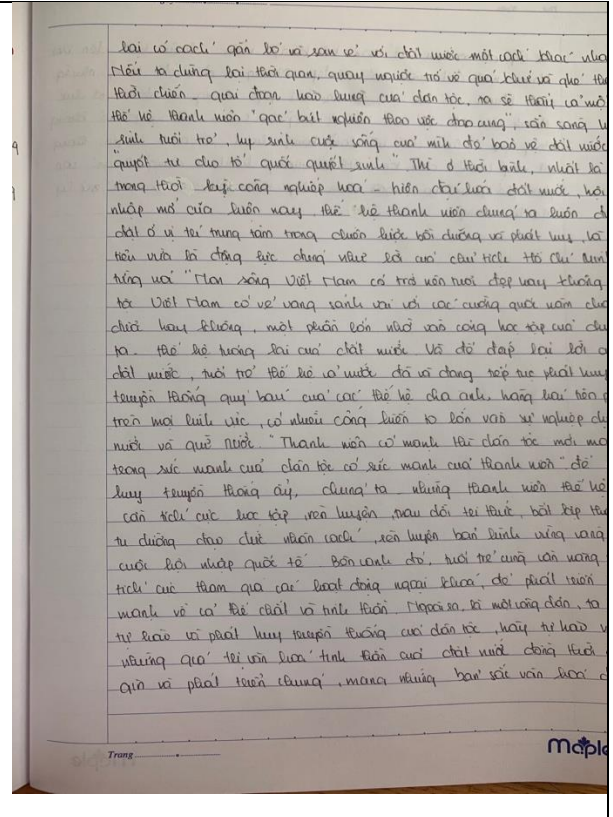
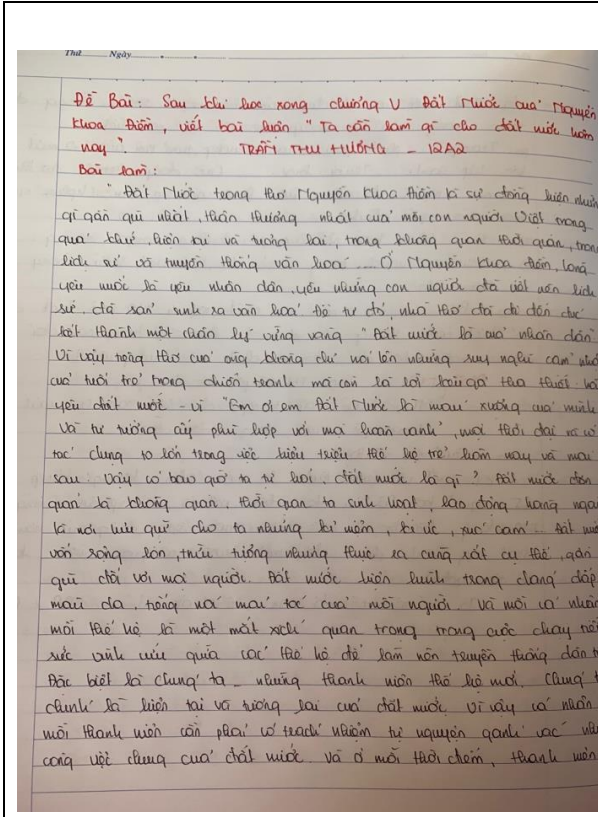
<b>Chuẩn bị cho bài học</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
Chuẩn bị các trang thiết bị tốt nhất cho bài học Ngữ Văn.			
Học thuộc bài cũ trước khi tới lớp.			
Đọc bài mới, tài liệu nếu thầy, cô yêu cầu.			
Chủ động tìm hiểu trước những tri thức liên quan đến bài học			
<b>Đọc bài trước khi học</b>			
Đọc nhưng chỉ quan tâm đến nội dung liên quan đến những câu hỏi cần phải chuẩn bị hoặc câu hỏi cuối bài.			
Đọc để nhận ra nội dung chính và phát hiện thuật ngữ, các vấn đề khó khăn, khó hiểu để dự định hỏi thầy, cô.			
Đọc và tìm mối liên quan giữa kiến thức mới với kiến thức đã học.			
Đọc và đánh dấu những từ quan trọng trong câu, đoạn kiến thức trong sách.			
Đọc với thái độ tích cực và có phân tích trọng tâm, nội dung bài, kết nối với bài trước,...			
Kết nối với nhóm học tập và hoàn thành nội dung nhóm theo yêu cầu.			
Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuẩn bị nội dung bài học....			
<b>Thái độ học ở lớp</b>			
Chăm chú nghe giảng và chỉ ghi chép những nội dung thầy(cô) yêu cầu.			
Trả lời khi thầy (cô) yêu cầu, không dám hỏi khi có thắc mắc.			
Tham gia thảo luận nhóm để tìm hiểu kiến thức bài học.			
Chủ động đưa ra các câu hỏi liên quan đến bài học để nhờ thầy (cô) trả lời.			
<b>Sau khi học bài</b>			
Ôn tập, củng cố lại kiến thức bài học, Vẽ sơ đồ tư duy kiến thức cơ bản của bài học			
Tập viết cảm nhận, phân tích tác phẩm, nhân vật Văn học...			
Tập viết bài luận liên hệ từ vấn đề trong tác phẩm đến đời sống xã hội			



### Phụ lục 2: Một số sản phẩm học tập của học sinh được hoàn thành trong hai hoạt động: Vận dụng và Mở rộng.



Sản phẩm: Bài viết vận dụng khi học xong tác phẩm Vợ chồng A Phủ.



Sản phẩm: Bài làm vận dụng sau khi học xong chương V Đất Nước (trích Trường ca Mặt đường khát vọng)

Đề bài: Nếu là Chánh án Đẩu anh/chị có chấp nhận những bị  
do mà người dân là công nhân, ai đưa ra không? Nếu chúng  
bản mà học hành trong gia đình (xung quanh ta hoặc ngay  
chính người thân chúng ta anh/chị sẽ làm gì?

Đầu tiên cũng chấp nhận bị do mà người dân là  
công nhân lương thiện ai đưa ra. Chúng ta cần cuộc  
sống như gia đình quan của người dân là hàng  
cháo, đầu tư kinh doanh của người dân là hàng  
công của phố huyện không thì không lấy được  
nhân mà đó là những hình ảnh cụ thể để giúp  
người dân là thành phố của công nhân, nơi  
chủ đề mà người dân là lên ta ăn lương, cũng  
như Phùng Khuyển của người dân là hàng. Anh  
đó như bản chất tốt nhất của một "vị Bao công của  
cái phố huyện sống bởi" thì bình thường, bao giờ  
không con người bắt buộc bởi cái bao này. Nhưng  
đầu mà đầu cũng không thể ngờ tới được là người dân  
bà ấy lại là chủ một cái quyết liệt thiên chi  
giúp đỡ của Phùng và Đẩu. Phải là người dân là ấy  
thì "quy tắc bất di bất dịch" phải là con cũng  
được "hàng" đang bắt con họ nó! Đẩu gì làm  
như cách cũ xưa "lấy cam châu làm đầu" qua những  
ngành là ấy? Trước hết bởi chỉ là đầu công và  
là nhiều có sự bất an. Bất an bởi lúc này, chỉ là  
đó là một "đầu con gái xấu, lại có mặt" trong phố  
không ai lấy "vì vì thế mà gia đình ông lương chí  
trở thành chứng cứ nói chỉ cũng là một sự ham  
an. Trong những lời kể về sự đời đời nhưng  
nhân của mình, người dân là không thể là xa  
cần chứng. Chỉ là đời sống mình bản chất không  
phải là để ác. Trước kia, anh ta "hầu lãnh làm"

không bao giờ dám đứng chỉ. Chỉ khi đó mới có  
sự nghi ngờ phải đứng như có một quả đấm đang  
con lao ra một tòa nhà. Nơi sẽ chứa mình,  
người dân là họ ra sát vì thế. Chỉ cho công, với  
người dân ông đứng ở không phải là ở nhà mà  
là ở mình. Người là do "đi như quả" mà ước  
sống chad với nhau "cứ lúc nào thấy thế quái  
lạ" bao rạch tội ra dân". Vì do thế "đại loại"  
người dân là cam châu là tính thường với con  
cái này chỉ là không muốn qua đình làm gì. Cứ  
ta tìm mọi cách để cho chúng giải tỏa bằng cách  
đánh đập mà vẫn không làm tổn thương con cái.  
Sau khi nghe những lời nói của người dân là  
khỏi "mọi cái gì với mọi nó ra trong đầu vì Bao  
Công của cái phố huyện sống bởi, lúc này trẻ  
Đẩu sẽ nghiêm nghị và đầy sự nghiêm trọng". Có lẽ  
sống đời nhân ra sống mình đã qua việc với  
thần sẽ sâu sắc từ nhận nhận, đánh giá một sự  
đó nên chỉ thấy được cái bề nổi của nó mà chỉ  
thấy được cái khuất ẩn bên dưới, phải tập trung  
thì thế mà đầu mới chấp nhận là do không bỏ  
chống của một người về, người mis vì thế, bao  
dung vì quả đấm.

Nếu chúng ta cùng bao lực trong gia  
đình tôi với anh chị là người chúng ta, trước  
hết cần phải nhận nhận xem đi một cách đa  
chức, nhận nhận đúng sai. Sau đó sẽ giúp con và  
hau giúp người trong các nhận được nhận của  
Nhưng dù gì đi nữa thì nạn bạo lực gia đình  
vẫn là một vấn đề bức bối trong xã hội  
cần phải lên án gay gắt, phải phải quyết liệt

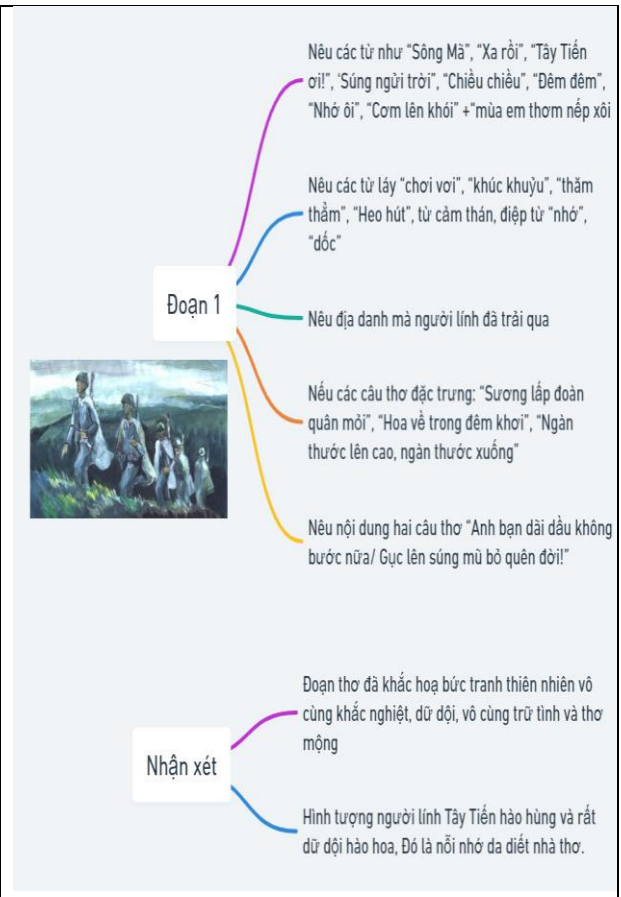
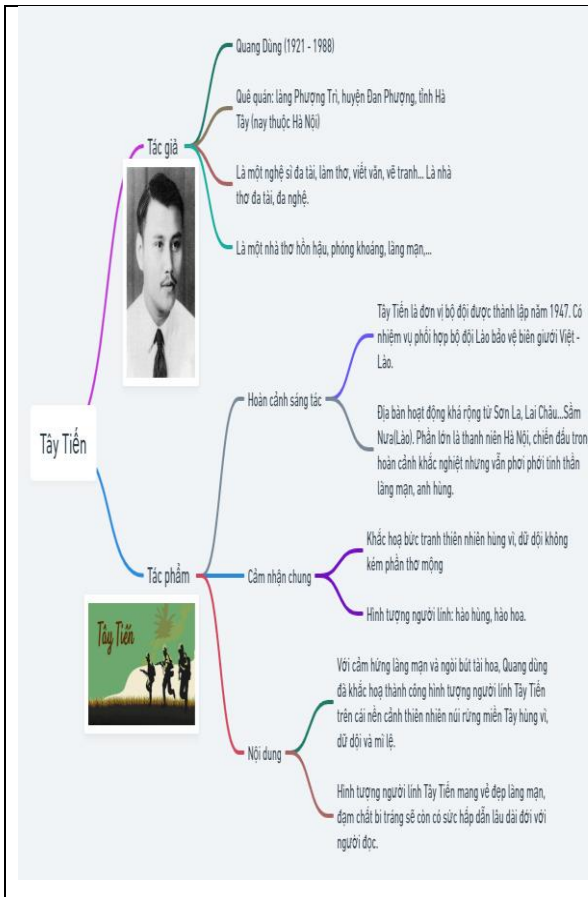
Sản phẩm: Bài viết phân nhập vai là chánh án Đẩu (Chiếc thuyền ngoài xa) để giải quyết vấn đề từ cuộc sống.

Đề bài: Bao lực gia đình

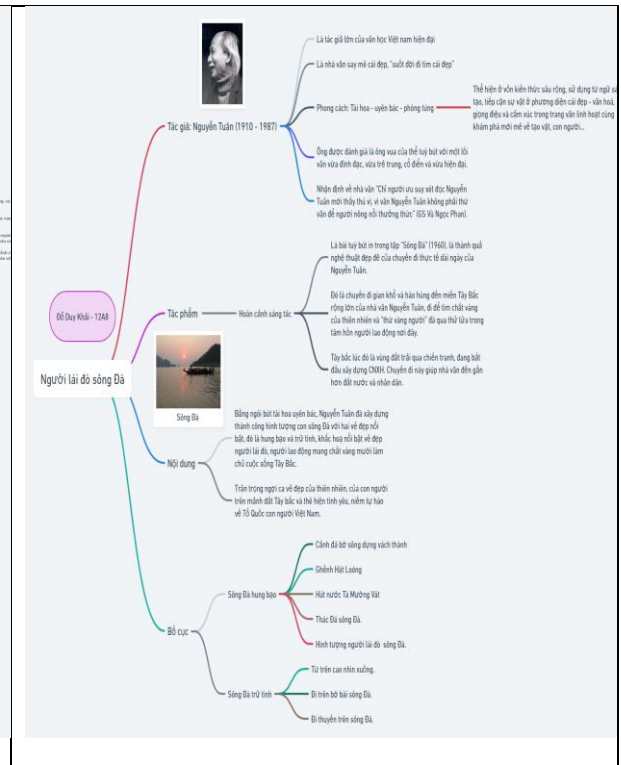
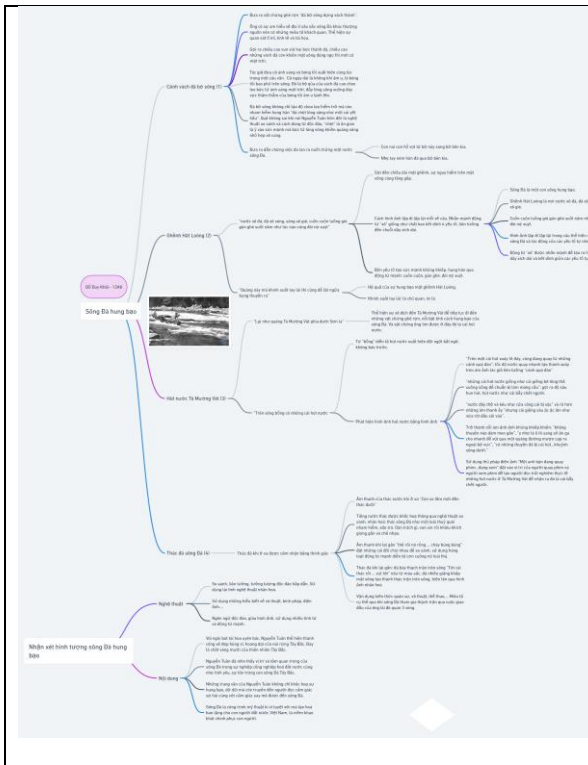
Gia đình là tế bào của xã hội. Gia đình  
chấp hành, mọi đường lối mà để ta trở thành  
người công dân có trách nhiệm. Dân bắt vì trí  
sai trái, ý nghĩa của gia đình nhưng chúng ta  
vẫn nhận thấy mặt trái của nó đó là bạo  
lực gia đình. Bao lực gia đình là hành vi  
dùng vũ lực để quyết các vấn đề xảy  
ra trong gia đình. Bao lực gia đình có thể  
xảy ra giữa vợ - chồng, cha mẹ - con cái,  
các thành viên trong gia đình với nhau. Nạn  
bạo lực gia đình là căn rễ đang nhận  
được nhiều chú ý, quan tâm của xã hội.  
Nạn nhận của bạo lực gia đình đầu tiên  
phải kể đến là phải nữ và trẻ nhỏ. Phụ nữ  
là nạn nhân về cả vật chất và tinh thần. Các  
trẻ em trở thành nạn nhân bị tác động "yếu  
cho sự cho vật" nhưng thực chất là nạn nhân  
đang tiếp, gây tổn hại đến cả thể xác và tinh  
thần. Hơn nữa là nạn nhân của bạo lực gia đình  
nguyên nhân khác nhau đó dẫn đến nạn bạo  
lực gia đình. Nhận thức của nhiều người trong  
chúng ta vẫn chưa được sáng tỏ. Hầu hết người  
cho rằng công có quyền "đay dỗ" về công như  
con cái chúng ta để có cảm xúc cảm chân  
hơn nữa, khi lòng tự ái cũng là nạn nhân chính  
là yếu tố làm gia tăng bạo lực gia đình. Như  
đầu tiên chúng ta cần thông điệp đáp ứng để nhận  
con người ta thêm lòng quan. Phải chăng, bởi

các thành viên trong gia đình đều là thành viên  
bạo lực, bị ảnh hưởng, những nhận thức. Họ hiểu  
sợ ở, nó cảm nhận tập có lợi cho mình bình  
bạo lực "phải nhận". Nhận của bạo lực  
gia đình đó là những tội thường không bao  
giờ bị bắt, được. Phải biết, sự ảnh hưởng  
trên tập dân xã hội với công và một phần  
của con người. Nạn nhận của bạo lực gia đình  
trong thời kỳ này, ở làng, một nước này vào các  
sống hơn nữa, trong tâm trí họ tồn tại nhận thức  
yếu kém về tội. Nhận người trẻ hơn này đến  
cho mình cuộc sống đời thường sống về bạo lực.  
trái pháp của nạn nạn bạo lực gia đình là thách  
thức lớn đối với mọi ai nhận ra sự sợ. Phải  
chúng ta có thể làm cho là phòng chống và  
đang lâu nó. Phải luôn luôn sống với  
hàng bạo lực gia đình, đây mạnh xây dựng  
gia đình văn hóa, gần gũi tình yêu thương và  
quán các thành viên trong gia đình. Tình  
cả nhận bằng cảm xúc lên tiếng với bạo  
vũ bản thân và gia đình mình. Hãy tự xây  
đựng cho mình một trái tim với tình yêu  
đó là nền tảng vững chắc để xây dựng gia  
đình. Bao lực gia đình là vấn nạn của  
tập xã hội. Đứng trước những ảnh hưởng  
xấu của bạo lực gia đình chúng ta phải  
bất cứ gì xin vào trong hành phúc trên  
hà mình đang có. Hãy đi yêu thương  
lên đến bản tâm tốt, để tất cả chúng ta đều  
có thể tận hưởng hạnh phúc gia đình

Sản phẩm: Bài viết vận dụng bày tỏ quan điểm về nạn bạo lực gia đình sau khi học xong tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa.



### Sản phẩm: Sơ đồ tư duy bài Tây Tiến



### Sản phẩm: Sơ đồ tư duy bài Người lái đò sông Đà

# Đất Nước - Nguyễn Khoa Điềm

Date: \_\_\_\_\_ No: \_\_\_\_\_

- Cảm nhận sâu sắc về đất nước**
  - Thời điểm ra đời của ĐN
    - Có từ khi mỗi thế hệ lớn lên
    - Có từ khi hình thành phong tục tập quán và đời sống xã hội
  - Quá trình lớn lên của ĐN "kể từ thế thành quốc"
    - Tôn tại trong những gì thân thiết, bình dị nhất của đời sống nhân dân
    - Tôn tại ngay trong "anh", trong "em", trong lòng người
- Định nghĩa về ĐN:**
  - ĐN là sự thống nhất
    - Chiều rộng không gian địa lí, chiều dài thời gian lịch sử, chiều sâu văn hoá
  - ĐN là nơi có tổ tiên, nơi quê hương và những thế hệ nối tiếp nhau
  - Nhân dân đoàn tụ để ĐN hình thành: "ĐN là nơi dân mình đoàn tụ"
    - Nhân dân hoá thân làm nên dáng hình xứ sở: núi sông, Phú, B, Hoàng mai
    - Nhân dân sáng tạo ra truyền thống lịch sử của ĐN
      - Làm ra ĐN
      - Lao động
      - Cố gắng
    - Nhân dân sáng tạo đồng chảy văn hoá của ĐN
      - Văn minh: vật chất: hạt lúa, ngọn lửa
      - Văn minh: tinh thần: tiếng nói, tên làng
    - Nhân dân giữ gìn và truyền lại cho ĐN đời sau
  - Trách nhiệm với đất nước:
    - Gắn bó với ĐN
    - Săm sè cùng ĐN
    - Hoá thân để làm nên ĐN

Huỳnh Anh - 12A1

# Sóng

Xuân Quỳnh

**Những nhận thức, khám phá**  
[Hình tượng Sóng]

- Sóng dữ dội - dịu êm, biến đổi muôn hình vạn trạng
- Sóng muốn tìm ra biển để tự mình thể hiện khát vọng
- Quy luật muôn đời của Sóng: Chẳng bao giờ đứng yên

[Hình tượng Em]

- Em khi yêu cũng như Sóng, mang nhiều đổi cực
- Em không chấp nhận tâm tưởng, muốn vươn tới cả lên lao
- Khát vọng tình yêu luôn mạnh mẽ da diết trong trái tim
- Em luôn trân trọng đi tìm lời giải cho khát vọng của tình yêu anh em

**Những suy tư, khát vọng**  
[Hình tượng Sóng]

- Sóng - Em cấp hình tượng sóng đời, hòa điệu trong cuộc hành trình cảm nhận đời dương tính yêu
- Chỉ một cơn sóng không thể nên đại dương bao la
- Đại dương là nơi tâm hồn sóng lái tu
- Sóng hòa mình vào đời dương rồi rơi đến muôn đời

[Hình tượng Em]

- Em lo âu-trần trụi về thời gian cuộc đời du đãu cũng sẽ đến
- Nhân ra tình yêu bề thế nếu có là riêng mình thì về chỉ chìm vào
- Em dâng hiến, hi sinh, hoà vào tình yêu, để tình yêu em sẽ có
- Tự hoà mình vào biển lớn là khát vọng tình yêu

Nguyễn Thị Trâm Anh

# Đất Nước

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

**CẢM NHẬN SÂU SẮC VỀ ĐẤT NƯỚC**

- Thời điểm ra đời
  - Có từ khi mỗi thế hệ lớn lên
  - Có từ khi hình thành phong tục tập quán và đời sống xã hội
- Quá trình lớn lên của Đất Nước
  - Tôn tại trong những gì thân thiết, bình dị nhất của đời sống nhân dân
  - Tôn tại ngay trong "anh", trong "em", trong lòng người
- Định nghĩa về Đất Nước
  - Đất nước là sự thống nhất của
    - Chiều rộng không gian địa lí, chiều dài thời gian lịch sử, chiều sâu văn hoá
  - Cái riêng & cái chung đời sống cá nhân & cộng đồng
  - Đất nước còn là máu xương, sự sống của mỗi người

**TRÁCH NHIỆM VỚI ĐẤT NƯỚC**

- Gắn bó với Đất Nước
- Săm sè cùng Đất Nước
- Hoá thân để làm nên ĐN

**TU PHƯƠNG ĐẤT NƯỚC CỦA ĐN**

- Nhân dân đoàn tụ để Đất Nước hình thành "Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ"
- Nhân dân hoá thân làm nên dáng hình xứ sở: núi sông Phú, B, Hoàng mai
- Nhân dân sáng tạo ra truyền thống lịch sử làm ra ĐN, lao động xây dựng, chiến đấu giữ gìn ĐN
- Nhân dân sáng lập ra đồng chảy văn hoá của Đất Nước

**ĐẶC ĐIỂM**

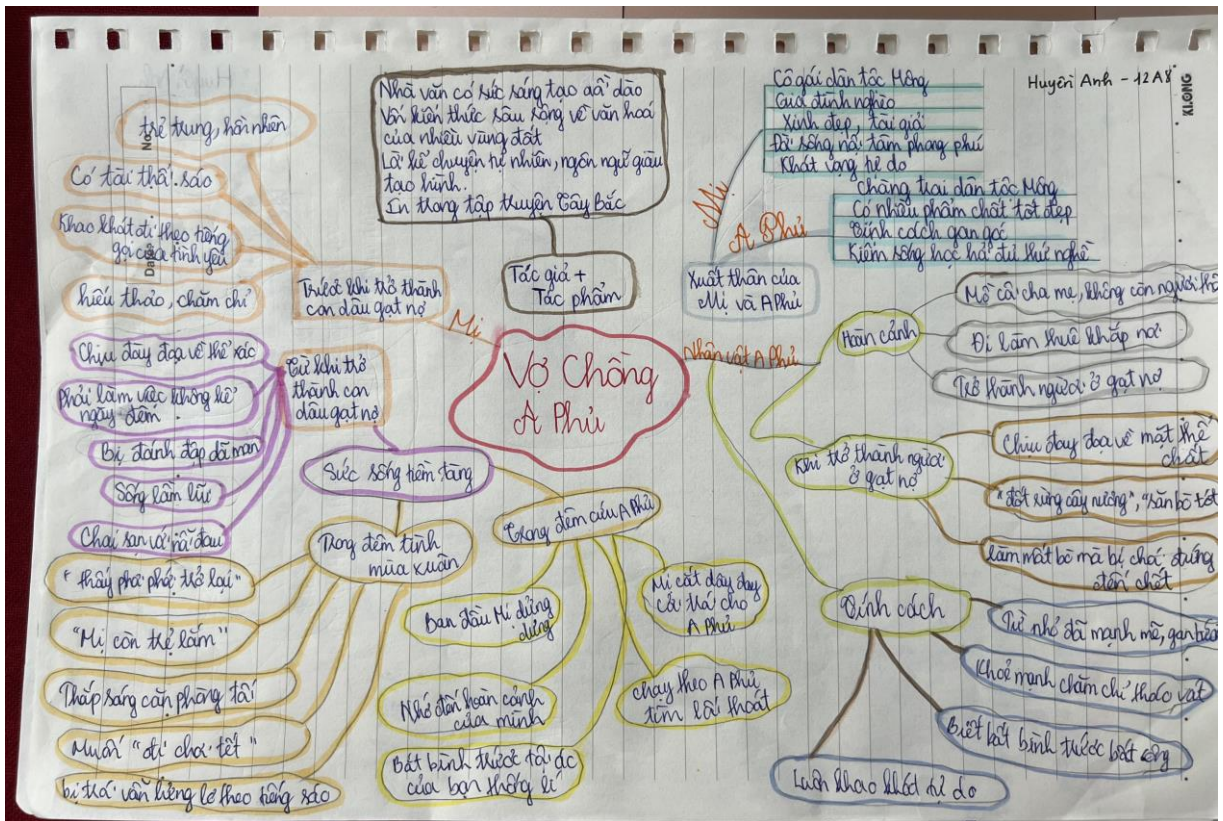
- Sự phát triển từ cá nhân, tình yêu đời lứa
- Hình ảnh "Đất Nước ven tròn to lớn"

**ĐƠN KẾT**

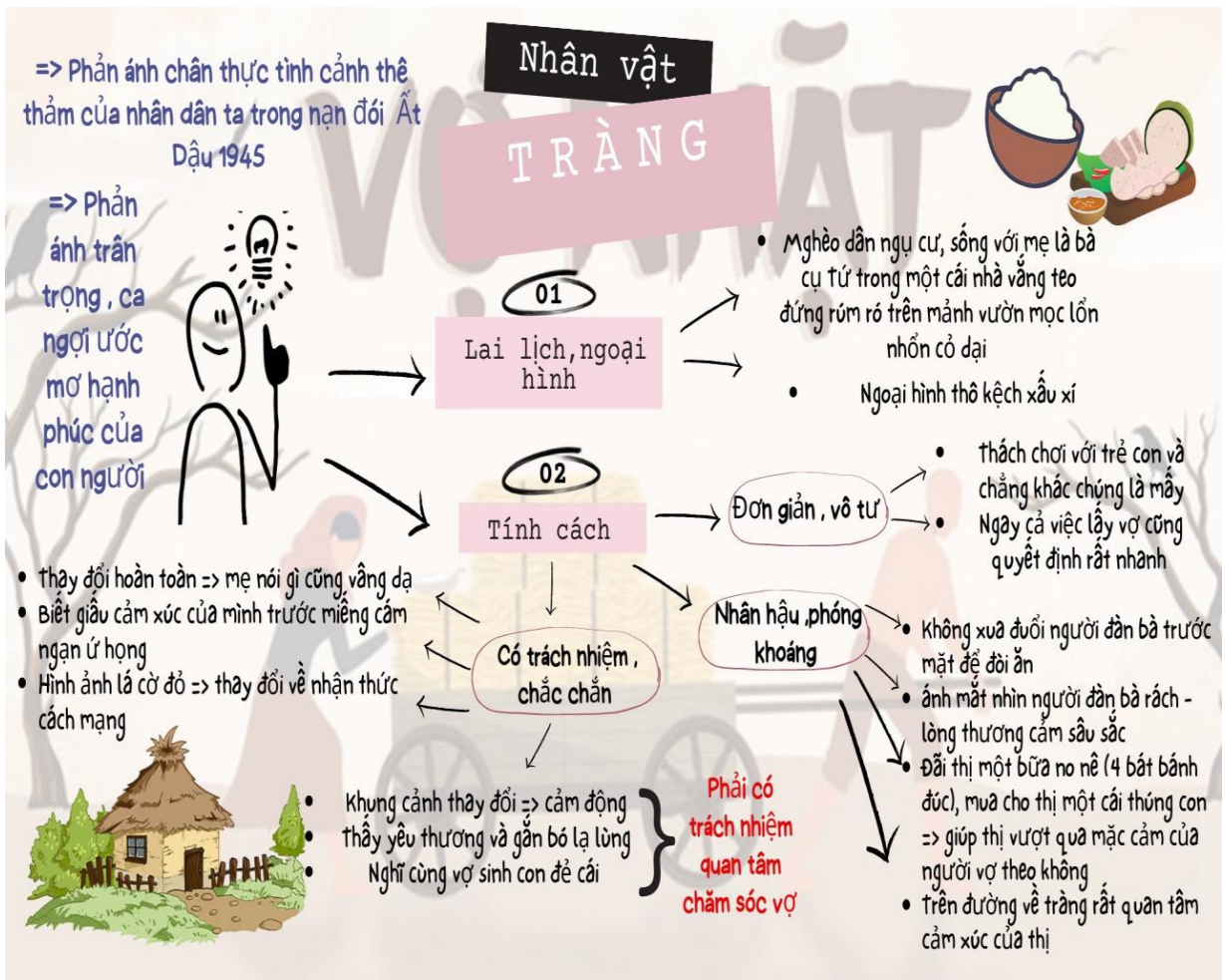
- Vật chất: Hạt lúa, Ngọn lửa
- Tinh thần: tiếng nói, tên làng
- Nhân dân: giữ gìn, truyền lại đời sau

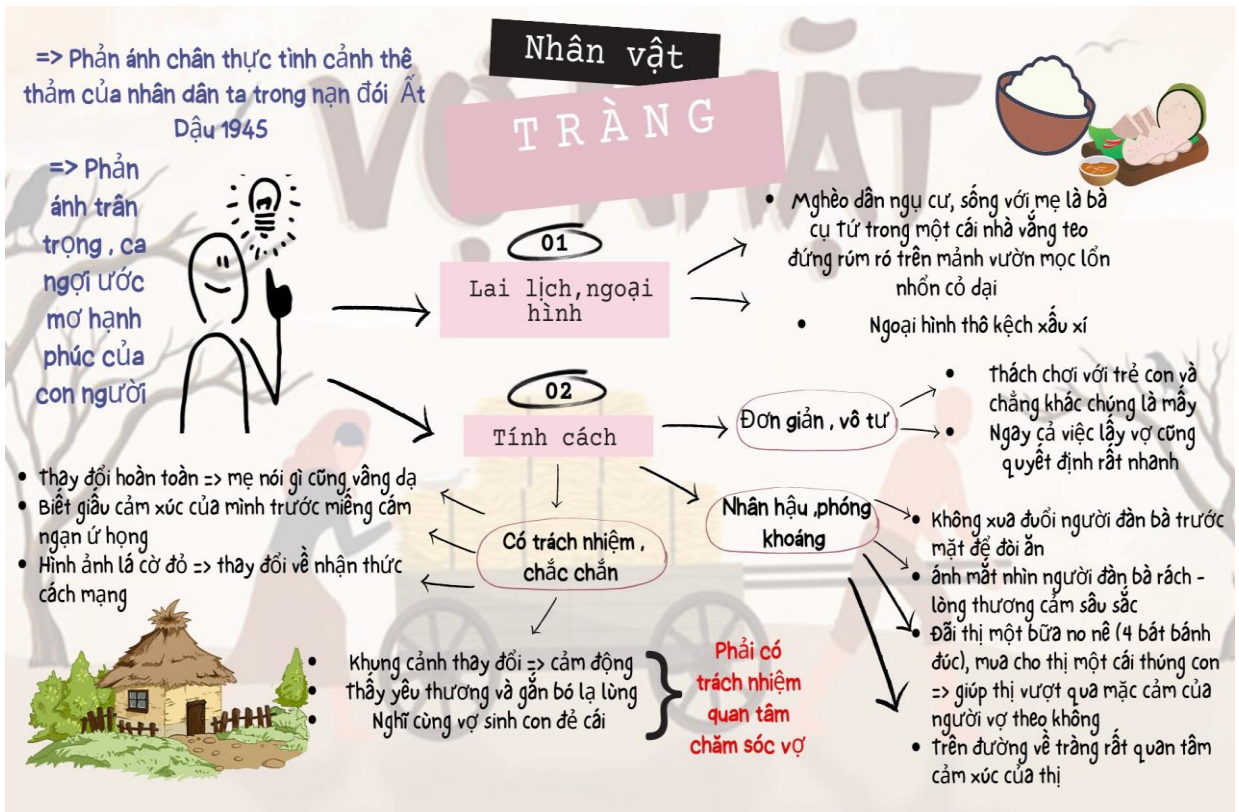
Nguyễn Thị Trâm Anh - 12A1

Sản phẩm: Sơ đồ tư duy chương V Đất Nước (Nguyễn Khoa Điềm) và bài thơ Sóng (Xuân Quỳnh)



Sản phẩm: Sơ đồ tư duy bài Vợ chồng A Phủ





**Nhân vật Tràng:**

- Ngoại hình, xuất thân: nghèo, xấu, dân ngụ cư, kéo xe bò thuê
- Tính cách: đơn giản, vô tư; nhân hậu; phóng khoáng; có trách nhiệm, chín chắn
- Khẳng định phẩm chất tốt đẹp của con người ngay trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh.

**Nhân vật Thị:**

- Người phụ nữ bị dồn tới bước khó khăn, mất đi nét dịu dàng, nữ tính
- Thị hiện lên xam xít trong bức chân dung nạn đói; tiêu tụy, tả tơi
- Vì cái đói mà trở nên chao chát, chổng lổn, sẵn sàng để ăn, mất đi cả tự trọng
- Khi trở thành vợ Tràng, cô gái ấy đã thay đổi, trở nên dịu dàng, e thẹn, nương nấp
- Ý thức trách nhiệm bằng đôi tay biết chăm lo gia đình

**Diễn biến tâm trạng nhân vật:**

- Tràng:**
  - Nhận ra trách nhiệm của mình đối với gia đình, cái mà trước đây Tràng chưa bao giờ nghĩ tới
  - Từ một anh phu xe cục mịch, sống vô tư, chỉ biết việc trước mắt --> quan tâm đến những chuyện ngoài xã hội và khát khao sự đổi đời
  - Khi tiếng trống thúc thuế ngoài đình vang lên vội vã, dồn dập, Tràng đã thần mặt ra nghĩ ngợi, trong suy nghĩ của Tràng vụt ra hình ảnh đoàn người đói ãm ãm kéo nhau đi phá kho thóc Nhật và phía trước là lá cờ đỏ
- Thị:**
  - Trước khi về làm vợ Tràng: đanh đá, chổng lổn cùng thái độ suồng sã, vô duyên
  - Sau khi về làm vợ Tràng: một người đàn bà hiền thực, e lệ, lễ phép, đảm đang
- Bà cụ Tứ:**
  - Khởi đầu là sự ngạc nhiên, sau đó là ngổn ngang bao cơ sự
  - Vừa mừng vừa tủi khi hiểu ra mọi chuyện
  - Nỗi lo lắng về tương lai của các con
  - Niềm tin và hi vọng vào tương lai, cuộc sống gia đình trở nên ấm no, hạnh phúc

**Tình huống:** Nhân vật Tràng không phải cưới

- vợ, mà nhặt được vợ như nhặt một đồ vật rẻ rúng bên đường.
- Tràng khó lấy vợ: Xấu - Nghèo - Dở hơi - kéo xe thuê - ngụ cư
- Thời buổi đói khát: Nuôi thân, nuôi mẹ chẳng xong
- => Tình huống éo le nhưng tất cả mọi người đều ánh lên niềm vui, hi vọng về một tương lai tươi sáng

**Bà cụ Tứ:**

- Nghèo, thương con
- Hoàn cảnh éo le; khôn khổ vì nạn đói, con trai lại lấy vợ
- Bà cụ Tứ được tạo hình như một tia hi vọng chiếu rọi vào cuộc đời tăm tối, nghèo khổ của gia đình bà
- Bà là người gieo mầm sự sống, nhen nhói và nuôi dưỡng niềm tin, hi vọng cho các con
- Bà xưa đi cái không khí ấm áp của những ngày đói khát ghé rợn đang đe dọa



Nguyễn Thị Trâm Anh\_12a8

Sản phẩm: Sơ đồ tư duy bài Vợ nhặt.

Sản phẩm: Bộ tranh phác thảo minh họa cho tác phẩm Vợ chồng A Phủ.





**NHỮNG TÁC PHẨM CÙNG ĐỀ TÀI ĐẤT NƯỚC**

\* Trong thơ ca:



Đất Nước là nơi vua ở

→ vua là biểu tượng cho tinh thần, sức mạnh của dân tộc

→ **Đất Nước = Vua**



Quốc hiệu: Đại Việt,  
văn hiến, bờ cõi,  
phong tục, lịch sử...

**Đất Nước**  
Chân xác, lớn lao.

Nhóm 4 – 12A2

**- Hiện đại:**

**Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải:** *Đất nước như vì sao cứ đi lên phía trước.*

**Đất nước - Nguyễn Đình Thi:** *Nước Việt Nam từ máu lửa/ rũ bùn đứng dậy sáng lòa.*

**Dáng đứng Việt Nam - Từ dáng đứng của anh trên đường băng Tân Sơn Nhất**  
**Lê Anh Xuân:** *Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân.*



**Đất Nước đẹp để vô cùng trong hình tượng tráng lệ, kì vĩ, lớn lao...**

Nhóm 4 – 12A2



Cùng tư tưởng **Đất Nước của nhân dân**:

- Việc nhân nghĩa trước ở yên dân  
Quân điều phạt trước lo trừ bạo  
(Nguyễn Trãi)

- Nhân dân bốn cõi một nhà,  
Dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới.  
(Nguyễn Trãi)

- Ôm đất nước những người áo vải  
Đã đứng lên thành những anh hùng  
(Nguyễn Đình Thi)

- Dân tộc tôi khi đứng dậy làm người  
Là đứng theo dáng mẹ  
Đòn gánh tre chín rạn hai vai  
(Thanh Thảo)

- Mái gianh ơi hỡi mái gianh  
Ngắm bao mưa nắng mà thành quê hương.  
(Trần Đăng Khoa)

- Nguyễn Khoa Điềm: Đất Nước và tư tưởng Đất Nước của Nhân Dân **được nhìn nhận từ nhiều bình diện: lịch sử, địa lí, văn hóa... Ở bình diện nào, dường như ông cũng có những phát hiện mới về Đất Nước so với những cái nhìn quen thuộc bấy lâu.**

Nhóm 4 – 12A2

Sản phẩm thuyết trình nhóm đoạn trích Đất Nước – so sánh với các tác phẩm khác.



Nhóm 1 – 12A2

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ  
TÔ HOÀI VÀ TÁC PHẨM  
“VỢ CHỒNG A PHỦ”



Tác phẩm Vợ chồng A Phủ đã khắc họa chân thực những nét riêng biệt về phong tục, tập quán, tính cách và tâm hồn người dân các dân tộc thiểu số bằng một giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, đượm màu sắc và phong vị dân tộc, vừa giàu tính tạo hình vừa giàu chất thơ.

Bài giới thiệu về tác giả Tô Hoài và tác phẩm Vợ chồng A Phủ của nhóm 1-12A2

canva.com

Create with Canva

# XUÂN QUỲNH

Cùng những áng văn ca.



Nhóm 7  
(12A5)

Canva


canva.com

Create with Canva

## Phong cách sáng tác.

Thơ của Xuân Quỳnh luôn giàu những cung bậc cảm xúc, những bài thơ ấy khi hạnh phúc say đắm, lúc đau khổ đến tột cùng, gần gũi và thân thuộc với thiên chức của làm vợ và làm mẹ.

Những chủ đề thường xuyên xuất hiện trong thơ của Xuân Quỳnh thường là: tình yêu, kỷ niệm về tuổi thơ, gia đình và chủ yếu các bài thơ có tính hướng nội mang đậm phong cách cá nhân nhưng lại rất đời thân thuộc chứ không xa rời thực tế.



Canva

Bài giới thiệu về nhà thơ Xuân Quỳnh của nhóm 7-12A5.

Một số hình ảnh học sinh tham gia hoạt động Vận dụng, Mở rộng.



